

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hoàng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ
ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
TÀU THỦY TAM BẠC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hoàng Thị Ngà

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Thu Thủy
120396

Mã SV:

Lớp: QT 1202K
toán

Ngành: Kế toán – kiểm

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty cổ
phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
 - * Về lý luận: với nội dung đã chọn, em hy vọng bài khóa luận có thể góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề sau:
 - Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
 - Khái quát và phân tích các chuẩn mực kế toán liên quan về tài sản cố định.
 - * Về thực tiễn:
 - Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích, đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm cần phát huy và những hạn chế cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.
 - Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện từ phía Nhà nước và các cơ quan chủ quản cũng như bản thân Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các chứng từ liên quan đến tình hình biến động tăng, giảm tài sản cố định tại công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy.
 - Bảng tổng hợp và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
 - Sổ sách kế toán liên quan đến việc hạch toán tài sản cố định.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.
Số 157 – Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hoàng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	4
1.1. KHÁI QUÁT VỀ TSCĐ.....	4
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm TSCĐ.....	4
1.1.2. Phân loại, đánh giá TSCĐ.....	5
1.1.2.1. Phân loại TSCĐ.....	5
1.1.2.2. Đánh giá TSCĐ.....	8
1.1.3. Yêu cầu quản lý TSCĐ.....	13
1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP.....	14
1.2.1. Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	14
1.2.1.1. Nguyên tắc quản lý TSCĐ.....	14
1.2.1.2. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	14
1.2.2. Quy trình kế toán.....	14
1.2.3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán.....	24
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC	26
2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.....	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	26
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	27
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.....	28
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.....	32
2.1.4.1. Hình thức tổ chức công tác kế toán.....	32
2.1.4.2. Chế độ kế toán và hình thức kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.....	35

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.....	37
2.2.1. Phân loại, đánh giá tài sản cố định.....	37
2.2.2. Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty.....	39
2.2.3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ tại công ty.	39
2.2.3.1. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.	39
2.2.3.2. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ.	54
2.2.3.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	72
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.....	77
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Hạn chế.	78
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.	79
3.2.1 Phương hướng hoàn thiện hạch toán TSCĐ tại công ty.	79
3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện hạch toán TSCĐ.....	79
3.2.1.2. Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ.	80
3.2.2. Tăng cường quản lý có hiệu quả TSCĐ.....	81
3.2.2.1. Đầu tư mới tài sản cố định.....	81
3.2.2.2. Tăng cường đổi mới công nghệ quản lý, đẩy mạnh việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.	81
3.2.2.3. Việc theo dõi hao mòn và phương pháp tính khấu hao.....	82
3.2.2.4. Nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong công ty.....	83
3.2.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ.....	84
KẾT LUẬN	88

Danh mục chữ viết tắt

TSCĐ	Tài sản cố định
HMLK	Hao mòn lũy kế
GTCL	Giá trị còn lại
Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Đoàn Xuân Tiên (2007), *Kế toán quản trị doanh nghiệp*, Học viện Tài chính, Nxb Tài chính.
 2. GS-TS. Ngô Thế Chi, TS. Trương Thị Thủy (2006), *Kế toán tài chính*, Học viện Tài chính, Nxb Tài chính.
 3. PGS-TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Trương Thị Thủy (2003), *Giáo trình quản trị doanh nghiệp*, Nxb Thống kê Hà Nội.
 4. TS. Nguyễn Phú Giang (2010), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, Nxb Tài chính
-

Danh mục biểu, sơ đồ

SƠ ĐỒ 1.1. QUY TRÌNH HẠCH TOÁN	16
Sơ đồ 1.2. Quy trình hạch toán tăng TSCĐ	20
Sơ đồ 1.3. Quy trình hạch toán giảm TSCĐ	21
Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký – chứng từ.....	36
Sơ đồ 2.2. Mô hình bộ máy kế toán.....	33
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc	29
BIỂU SỐ 2.1.....	42
BIỂU SỐ 2.2.....	43
BIỂU SỐ 2.3.....	44
BIỂU SỐ 2.4.....	45
BIỂU SỐ 2.5.....	46
BIỂU SỐ 2.6.....	47
BIỂU SỐ 2.7.....	48
BIỂU SỐ 2.8.....	49
BIỂU SỐ 2.9.....	51
BIỂU SỐ 2.10.....	52
BIỂU SỐ 2.11.....	53
BIỂU SỐ 2.12.....	55
BIỂU SỐ 2.13.....	56
BIỂU SỐ 2.14.....	57
BIỂU SỐ 2.15.....	60
BIỂU SỐ 2.16.....	61
BIỂU SỐ 2.17.....	62
BIỂU SỐ 2.18.....	63
BIỂU SỐ 2.19.....	64
BIỂU SỐ 2.20.....	65
BIỂU SỐ 2.21.....	66
BIỂU SỐ 2.22.....	67

BIỂU SỐ 2.23.....	69
BIỂU SỐ 2.24.....	70
BIỂU SỐ 2.25.....	71
BIỂU SỐ 2.26.....	73
BIỂU SỐ 2.27.....	75
BIỂU SỐ 2.28.....	76
BIỂU SỐ 3.1.....	85
BIỂU SỐ 3.2.....	86

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, các cuộc cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề cơ khí, tự động hóa quá trình sản xuất, đổi mới, cải tiến và hoàn thiện TSCĐ. TSCĐ là một bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật của hoạt động sản xuất kinh doanh. TSCĐ giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và góp phần tạo nên cơ sở vật chất, trang thiết bị kinh tế.

Đối với một doanh nghiệp thì TSCĐ thể hiện năng lực, trình độ công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất. Nó là điều kiện cần thiết để tiết kiệm sức lao động của doanh nghiệp nói riêng và của nền kinh tế đất nước nói chung.

Đứng trên góc độ kế toán thì việc phản ánh đầy đủ, tính khấu hao và quản lý chặt chẽ TSCĐ là một tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nó khẳng định vai trò, vị trí của doanh nghiệp trước nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay.

Với tầm quan trọng của TSCĐ, cũng như của công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về đề tài này song còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ.

Sau một thời gian tìm hiểu và nắm bắt tình hình thực tế tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc, trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu về công tác kế toán TSCĐ tại công ty, em đã nhận thấy một số bất cập chưa được giải quyết. Vậy nên em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc” làm nội dung cho bài khóa luận của em.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan về kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp, đồng thời qua nghiên cứu thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc quý 4 năm 2011 từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

3.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu trong bài khóa luận là tình hình biến động (tăng, giảm) và khấu hao TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

3.2. Phạm vi nghiên cứu.

Nghiên cứu tình hình biến động (tăng, giảm) và khấu hao TSCĐ trong quý 4 năm 2011 tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

4.1. Ý nghĩa khoa học.

Bài khóa luận này góp phần:

- Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tăng, giảm và khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn.

- Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích, đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm cần phát huy và những hạn chế cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện từ phía Nhà nước và các cơ quan chủ quản cũng như bản thân Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện.

5. Kết cấu của khóa luận.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận được chia làm ba chương:

Chương 1. Tổng quan về kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

Chương 3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. KHÁI QUÁT VỀ TSCĐ.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm TSCĐ.

* Khái niệm.

Trong các doanh nghiệp, TSCĐ là những tư liệu lao động chủ yếu và những tài sản khác có giá trị lớn, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính – kế toán hiện hành của Nhà nước. Theo quyết định hiện hành, tiêu chuẩn giá trị của TSCĐ là từ 10.000.000 VNĐ trở lên, tiêu chuẩn thời gian sử dụng là trên một năm.

* Đặc điểm: Khi tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐ có các đặc điểm chủ yếu sau:

- Tham gia nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau (nếu là TSCĐ hữu hình thì vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng phải loại bỏ).

- Giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần song giá trị của nó lại được chuyển dịch thành từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, những tư liệu lao động sau đây nếu có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng của TSCĐ vẫn được hạch toán là CCDC:

- + Đà giáo, ván khuôn, CCDC gá lắp chuyên dùng cho công tác xây lắp;
- + Các loại bao bì bán kèm hàng hóa có tính giá riêng và có trừ dần trị giá trong quá trình dự trữ, bảo quản;
- + Dụng cụ, đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ;
- + Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng;

+ Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc.

1.1.2. Phân loại, đánh giá TSCĐ.

1.1.2.1. Phân loại TSCĐ.

Phân loại TSCĐ là việc sắp xếp TSCĐ thành từng loại, từng nhóm có đặc tính giống nhau theo tiêu chuẩn nhất định. Mục đích của việc phân loại nhằm phục vụ cho việc quản lý và tổ chức hạch toán TSCĐ một cách khoa học, hợp lý. Trong doanh nghiệp, TSCĐ có nhiều loại, mỗi loại có hình thái khác nhau, đặc trưng kỹ thuật khác nhau, thời hạn khác nhau, công dụng và lĩnh vực hoạt động khác nhau... Do đó cũng có nhiều cách khác nhau để phân loại TSCĐ. Sau đây là một số cách phân loại TSCĐ chủ yếu:

* Theo hình thái biểu hiện và đặc trưng kỹ thuật:

- *TSCĐ hữu hình*: là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho các hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình. Theo đặc trưng kỹ thuật, TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp gồm:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: gồm các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, cầu cống... phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Máy móc thiết bị: gồm các loại máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh.

+ Thiết bị phương tiện vận tải truyền dẫn: là các phương tiện dùng để vận chuyển như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác (ô tô, máy kéo, xe tải...)

+ Thiết bị dụng cụ cho quản lý: gồm các thiết bị dụng cụ phục vụ cho quản lý như dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hòa.

+ Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm: gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su...), súc vật làm việc (voi, bò, trâu cày kéo...) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

+TSCĐ hữu hình khác: gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

- *TSCĐ vô hình*: là những TSCĐ không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng cho các hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình. Theo đặc trưng kỹ thuật, TSCĐ vô hình của doanh nghiệp gồm:

+ Quyền sử dụng đất: là giá trị đất, mặt nước, mặt biển được hình thành do bỏ chi phí ra mua, đền bù san lấp, cải tạo nhằm mục đích có được mặt bằng sản xuất kinh doanh.

+ Quyền phát hành: là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra để có quyền phát hành.

+ Bản quyền, bằng sáng chế: là các chi phí doanh nghiệp phải trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử được Nhà nước cấp bằng sáng chế hoặc doanh nghiệp mua lại bản quyền bằng sáng chế, bản quyền tác giả (bản quyền tác giả là chi phí tiền thù lao cho tác giả và được Nhà nước công nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán các tác phẩm của mình).

+ Nhãn hiệu hàng hóa: là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

+ Phần mềm máy vi tính: là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy vi tính.

+ Giấy phép và giấy phép nhượng quyền: là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có giấy phép và giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó như giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất một loại sản phẩm mới...

+ TSCĐ vô hình khác: là những TSCĐ vô hình khác chưa được phản ánh ở các loại trên như quyền sử dụng hợp đồng, quyền thuê nhà...

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này giúp cho việc quản lý và hạch toán chi tiết, cụ thể theo từng loại, nhóm TSCĐ và có phương pháp khấu hao phù hợp với từng loại, từng nhóm TSCĐ. Nó còn giúp cho nhà quản lý có cách nhìn tổng thể về cơ cấu đầu tư của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra quyết định đầu tư, điều chỉnh phương hướng đầu tư phù hợp. Đồng thời đề ra biện pháp quản lý và tính toán khấu hao TSCĐ khoa học, hợp lý.

* **Theo quyền sở hữu:** theo tiêu thức này, TSCĐ được phân thành

- *TSCĐ tự có:* là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp được hình thành từ việc mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay dài hạn, nhận góp vốn liên doanh, được biếu tặng, được điều chuyển từ đơn vị khác đến... Loại TSCĐ này chiếm tỷ trọng lớn, có vị trí quan trọng trong các tài sản của doanh nghiệp và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

- *TSCĐ đi thuê:* là những tài sản doanh nghiệp đi thuê của đơn vị khác để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê tài sản. Tùy theo điều khoản hợp đồng thuê, TSCĐ đi thuê được chia thành hai loại:

+ TSCĐ thuê tài chính: là những TSCĐ đi thuê mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Đặc điểm cơ bản của TSCĐ thuê tài chính là bên thuê có quyền sử dụng, kiểm soát lâu dài, đồng thời bên thuê nhận được hầu hết lợi ích và rủi ro từ việc sử dụng tài sản. Do vậy, TSCĐ thuê tài chính cần được quản lý như những TSCĐ của doanh nghiệp. Về phương diện kế toán, TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận và trình bày trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

+ TSCĐ thuê hoạt động: là những TSCĐ thuê không thỏa mãn bất cứ điều kiện nào của hợp đồng thuê tài chính. Bên đi thuê chỉ được quản lý, sử dụng trong thời hạn hợp đồng và hoàn trả cho bên thuê khi kết thúc hợp đồng.

Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu giúp cho việc quản lý và tổ chức hạch toán phù hợp theo từng loại TSCĐ, góp phần sử dụng hợp lý và có hiệu quả TSCĐ ở doanh nghiệp.

*** Theo mục đích và tình hình sử dụng:**

- *Căn cứ vào mục đích sử dụng TSCĐ*: theo tiêu thức này, TSCĐ trong doanh nghiệp được chia thành: TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh; TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng; TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất hộ Nhà nước.

- *Căn cứ vào tình hình sử dụng TSCĐ*: theo tiêu thức này, TSCĐ được chia thành: TSCĐ chưa sử dụng; TSCĐ đang sử dụng; TSCĐ chờ xử lý.

Tùy theo yêu cầu quản lý TSCĐ của từng doanh nghiệp để doanh nghiệp lựa chọn tiêu thức phân loại phù hợp và có thể phân loại TSCĐ chi tiết hơn nữa.

1.1.2.2. Đánh giá TSCĐ.

Đánh giá TSCĐ là việc vận dụng phương pháp tính giá để xác định trị giá của TSCĐ ở những thời điểm nhất định theo nguyên tắc chung.

Do đặc điểm vận động về mặt giá trị của TSCĐ nên đánh giá TSCĐ bao gồm các nội dung sau ứng với quá trình hình thành và sử dụng TSCĐ.

*** Đánh giá TSCĐ theo giá trị ban đầu.**

Trị giá ban đầu (nguyên giá) của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ đó hoặc giá trị hợp lý của nó ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình:

+ TSCĐ hữu hình do mua sắm trực tiếp: Nguyên giá bao gồm giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (trừ các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

+ TSCĐ hữu hình mua chậm trả, trả góp: Nguyên giá được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua chậm trả, trả góp và giá mua trả tiền ngay (gọi là lãi chậm trả) được hạch toán vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán, hoặc theo quyết định khác của chuẩn mực kế toán liên quan.

+ TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: Nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành (giá quyết toán, bản giao công trình hoàn thành), các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

+ TSCĐ hữu hình do xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế cộng chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

+ TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi:

- Trao đổi lấy một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác: Nguyên giá được xác định theo trị giá hợp lý của TSCĐ nhận về hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (đã có sự điều chỉnh các khoản tiền trả thêm hoặc thu về).

- Trao đổi lấy một TSCĐ hữu hình tương tự (công dụng tương tự, cùng lĩnh vực kinh doanh, có giá trị tương đương): Nguyên giá TSCĐ nhận về được xác định bằng GTCL của TSCĐ đem trao đổi.

+ TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm GTCL trên sổ kế toán của TSCĐ ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Riêng TSCĐ hữu hình điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong doanh nghiệp thì nguyên giá của nó căn cứ vào nguyên giá trong bộ hồ sơ của tài sản đó để phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí liên quan đến việc điều chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc không ghi tăng nguyên giá TSCĐ mà hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ TSCĐ hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa, được tài trợ, biếu, tặng...: Nguyên giá là trị giá theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí mà bên nhận phải trả tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)...

- Nguyên giá TSCĐ vô hình:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được xác định trong các trường hợp mua sắm, trao đổi, được tài trợ, được cấp, được biếu tặng đều tương tự như xác định nguyên giá TSCĐ hữu hình. Tuy nhiên, có một số trường hợp đặc thù sau:

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình mua từ việc sáp nhập doanh nghiệp là giá hợp lý của tài sản đó vào ngày mua, ngày sáp nhập doanh nghiệp, giá trị hợp lý có thể là: giá niêm yết tại thị trường hoạt động, giá của nghiệp vụ mua bán TSCĐ tương tự.

+ Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất có thời hạn là số tiền doanh nghiệp phải trả khi nhận nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn của người khác hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận vốn góp liên doanh. Trường hợp mua quyền

sử dụng đất cùng với nhà cửa, vật ghi nhận trên đất thì phải xác định ghi nhận riêng biệt TSCĐ hữu hình và vô hình.

+ TSCĐ được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:

- Giai đoạn nghiên cứu: chi phí phát sinh trong giai đoạn này tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Giai đoạn triển khai: Nguyên giá của TSCĐ được ghi nhận là toàn bộ chi phí bình thường, hợp lý phát sinh từ thời điểm tài sản đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn TSCĐ vô hình cho đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng, bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, phân bổ chi phí sản xuất chung, chi phí khác. Các chi phí không liên quan trực tiếp không được tính vào nguyên giá TSCĐ.

- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được xác định theo giá thấp hơn trong hai loại giá:

+ Giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

+ Trị giá hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản.

Chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê tài chính được tính vào nguyên giá của tài sản thuê, như: chi phí đàm phán, ký kết hợp đồng thuê, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử mà bên thuê phải chi ra.

*** Đánh giá trong quá trình nắm giữ, sử dụng.**

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng, doanh nghiệp cần theo dõi TSCĐ theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn, GTCL và những chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu.

- Nguyên giá TSCĐ sau ghi nhận ban đầu:

Nguyên giá TSCĐ được theo dõi trên sổ kế toán một cách ổn định nếu không có quy định khác.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu:

Trong quá trình sử dụng, nếu phát sinh các khoản chi phí liên quan đến TSCĐ như: chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp thì các chi phí này được xử lý như sau:

+ Ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu chúng được xác định một cách đáng tin cậy và chắc chắn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, như: tăng thời gian sử dụng, tăng công suất, tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra, giảm chi phí hoạt động tài sản.

+ Các chi phí khác không làm tăng lợi ích kinh tế tương lai của TSCĐ thì không được ghi tăng nguyên giá mà tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- GTCL của TSCĐ:

GTCL của TSCĐ được xác định theo công thức:

$$\text{GTCL của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{HMLK của TSCĐ}$$

Trong đó: nguyên giá TSCĐ được lấy theo sổ kế toán sau khi đã tính đến các chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu.

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, trị giá HMLK ngày càng tăng lên và GTCL được phản ánh trên sổ kế toán và trên báo cáo tài chính ngày càng giảm đi. Điều đó phản ánh rõ trị giá của TSCĐ chuyển dịch dần dần, từng phần vào trị giá sản phẩm được sản xuất ra.

- Đánh giá lại TSCĐ:

Đối với những TSCĐ có thời gian sử dụng dài, trong quá trình sử dụng do nhiều nguyên nhân làm nguyên giá và GTCL của TSCĐ trên tài liệu kế toán

không phù hợp với trị giá thị trường của TSCĐ. Điều đó làm giảm chất lượng thông tin kế toán. Để khắc phục vấn đề này, doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá ở thời điểm đánh giá lại TSCĐ.

Đánh giá lại TSCĐ phải thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và chỉ đánh giá lại TSCĐ trong các trường hợp sau:

- + Nhà nước có quyết định đánh giá lại TSCĐ;
- + Doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa;
- + Chia, tách, giải thể doanh nghiệp;
- + Góp vốn liên doanh...

Khi đánh giá lại TSCĐ phải xác định lại cả chỉ tiêu nguyên giá và GTCL của TSCĐ. Thông thường, GTCL của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{TSCĐ trước khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{r} \text{Nguyên giá của TSCĐ sau} \\ \text{khi đánh giá lại} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Nguyên giá của TSCĐ} \\ \text{trước khi đánh giá lại} \end{array}}$$

1.1.3. Yêu cầu quản lý TSCĐ.

Với những đặc điểm của TSCĐ thì yêu cầu đặt ra đối với quản lý TSCĐ là phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc được tình hình tăng, giảm TSCĐ về số lượng và giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ, sử dụng đầy đủ và hợp lý công suất TSCĐ, luôn luôn phát hiện để thay thế những TSCĐ không hoạt động được, hoạt động kém so với TSCĐ hiện đại.

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1. Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.1.1. Nguyên tắc quản lý TSCĐ.

- Phải lập hồ sơ cho mọi TSCĐ có trong doanh nghiệp. Hồ sơ bao gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ liên quan khác.

- Tổ chức phân loại, thống kê, đánh số, lập thẻ riêng và theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi sổ TSCĐ trong sổ theo dõi TSCĐ ở phòng kế toán và đơn vị sử dụng.

- TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số HMLK và GTCL trên sổ kế toán.

- Định kỳ vào cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê TSCĐ. Mọi trường hợp thiếu, thừa TSCĐ đều phải được lập biên bản, tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý.

1.2.1.2. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

- Ghi chép, phản ánh, tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm, di chuyển và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm, đầu tư, bảo quản và sử dụng các đối tượng đó.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết; tổ chức phân tích tình hình bảo quản, sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.

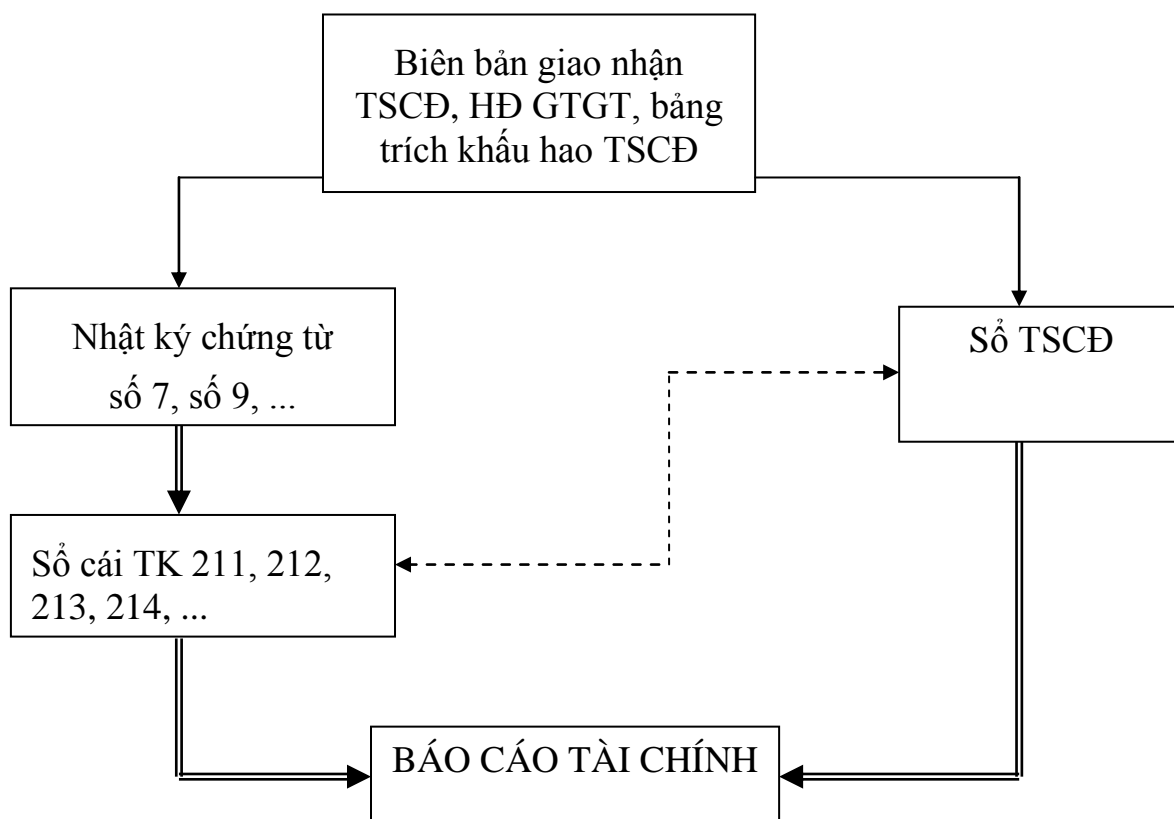
1.2.2. Quy trình kế toán.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành có các hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

Trường hợp doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ thì quy trình kế toán tăng, giảm, khấu hao TSCĐ được mô tả theo sơ đồ số 1.1

SƠ ĐỒ 1.1. QUY TRÌNH HẠCH TOÁN

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

*** Chứng từ sử dụng:**

- **Biến động tăng TSCĐ:** đối với các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ thì cần sử dụng các chứng từ sau: Dựa vào tình hình thực tế, các cấp có thẩm quyền sẽ ra các “Quyết định mua hoặc xây dựng” để mua hoặc xây dựng mới TSCĐ. Bên bán sẽ xuất “Hóa đơn bán hàng” (nếu mua) hoặc nếu là xây dựng, sẽ có “Biên bản nghiệm thu công trình” do bên được thuê lập. Sau khi mua hoặc xây dựng xong, hai bên sẽ cùng ký vào “Biên bản giao nhận TSCĐ” và giao cho phòng kế toán lưu giữ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- **Biến động giảm TSCĐ:** đối với các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ thì cần sử dụng các chứng từ sau: khi phát sinh việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các bên liên quan sẽ lập “Biên bản khảo sát TSCĐ xin thanh lý (hoặc nhượng bán)”

để từ đó làm cơ sở để các cấp có thẩm quyền ra “Quyết định thanh lý (nhượng bán) TSCĐ” và thành lập Hội đồng thanh lý (nhượng bán) TSCĐ. Hội đồng thanh lý (nhượng bán) TSCĐ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc thanh lý (nhượng bán) TSCĐ theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong chế độ quản lý tài chính và lập “Biên bản thanh lý (nhượng bán) TSCĐ” theo mẫu quy định. Biên bản được lập thành hai bản, một bản chuyển giao cho phòng kế toán để ghi sổ theo dõi, một bản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng TSCĐ. Căn cứ vào Biên bản thanh lý (nhượng bán) TSCĐ và “Hóa đơn bán hàng” (nếu nhượng bán), cùng các chứng từ liên quan như “Phiếu thu” hoặc “Giấy báo có” (nếu thu bằng tiền)... kế toán sẽ ghi sổ theo dõi.

- Khấu hao: Căn cứ tình hình tăng, giảm TSCĐ trong tháng, kế toán lập “Bảng tính và phân bổ khấu hao”, từ đó làm căn cứ để ghi vào sổ kế toán.

* Sổ kế toán sử dụng:

- Kế toán tổng hợp:

+ Kế toán tăng TSCĐ: từ các chứng từ trên, kế toán TSCĐ ghi vào:

Nhật ký chứng từ số 1: Nợ TK 211, 213; Có TK 111

Nhật ký chứng từ số 2: Nợ TK 211, 213; Có TK 112

Nhật ký chứng từ số 4: Nợ TK 212; Có TK 315, 342

Nhật ký chứng từ số 5: Nợ TK 211, 212, 213; Có TK 111, 112, 315, 342, 331...

Sau đó lấy số liệu từ cột “Cộng có TK” trên các Nhật ký chứng từ này để ghi vào cột “Số phát sinh” trên sổ cái TK 211, 212, 213.

+ Kế toán giảm TSCĐ: từ các chứng từ trên, kế toán TSCĐ ghi vào

Nhật ký chứng từ số 9: Ghi có TK 211, 212, 213; ghi Nợ các TK có liên quan.

Sau đó lấy số liệu trên cột “Cộng có TK 211 (212, 213)” ghi vào cột “Tổng phát sinh có” trên sổ cái TK 211 (212, 213).

+ Khấu hao TSCĐ: sử dụng các chứng từ trên, kế toán TSCĐ ghi:

Nhật ký chứng từ số 7: Nợ TK 627, 641, 642...; ghi Có TK 214

Nhật ký chứng từ số 9: Nợ TK 214; Có TK 211, 212, 213

Sau đó lấy số liệu trên cột công nợ TK 214 ghi vào cột số phát sinh hàng tháng trên sổ cái TK 214

- Kế toán chi tiết.:

+ Kế toán tăng TSCĐ: căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán TSCĐ lập “Thẻ TSCĐ” để theo dõi chi tiết từng TSCĐ và ghi vào “Sổ TSCĐ”. Đồng thời, tại nơi trực tiếp quản lý, sử dụng TSCĐ, TSCĐ được theo dõi trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC ở nơi sử dụng” để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ.

+ Kế toán giảm TSCĐ: khi TSCĐ giảm, kế toán TSCĐ ghi vào 2 dòng cuối trên Thẻ TSCĐ về ngày tháng và lý do giảm TSCĐ và ghi vào cột “ghi giảm TSCĐ” trên “Sổ TSCĐ”. Đồng thời, tại nơi quản lý và sử dụng TSCĐ, ghi vào phần “ghi giảm TSCĐ và CCDC” trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng”.

+ Khấu hao: Khấu hao được kế toán TSCĐ ghi theo từng năm vào cột “giá trị hao mòn TSCĐ” trên “Thẻ TSCĐ” và cột “khấu hao TSCĐ” trên “Sổ TSCĐ”. Không theo dõi khấu hao trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng”.

* Kiểm tra, đối chiếu số liệu cuối kỳ.

Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các sổ Nhật ký – chứng từ có liên quan, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các sổ này với các Thẻ TSCĐ; Sổ TSCĐ; Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng; Bảng phân bổ và khấu hao TSCĐ. Lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – chứng từ liên quan ghi trực tiếp vào Sổ cái các tài khoản 211, 212, 213, 214.

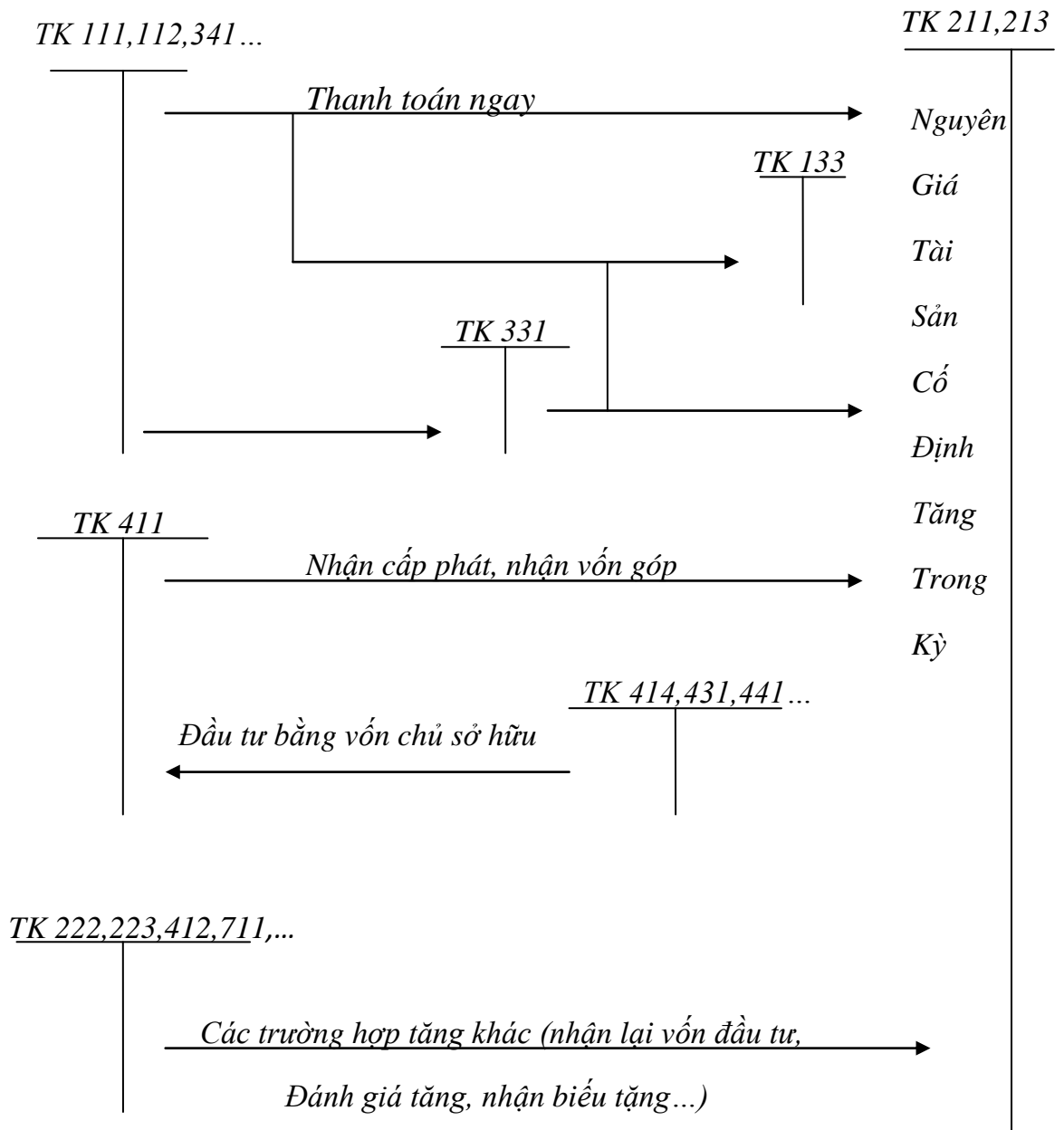
Số liệu tổng cộng trên các sổ, thẻ chi tiết vào cuối tháng được dùng để lập các “Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản” để đối chiếu với Sổ cái các tài khoản 211, 212, 213, 214.

Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

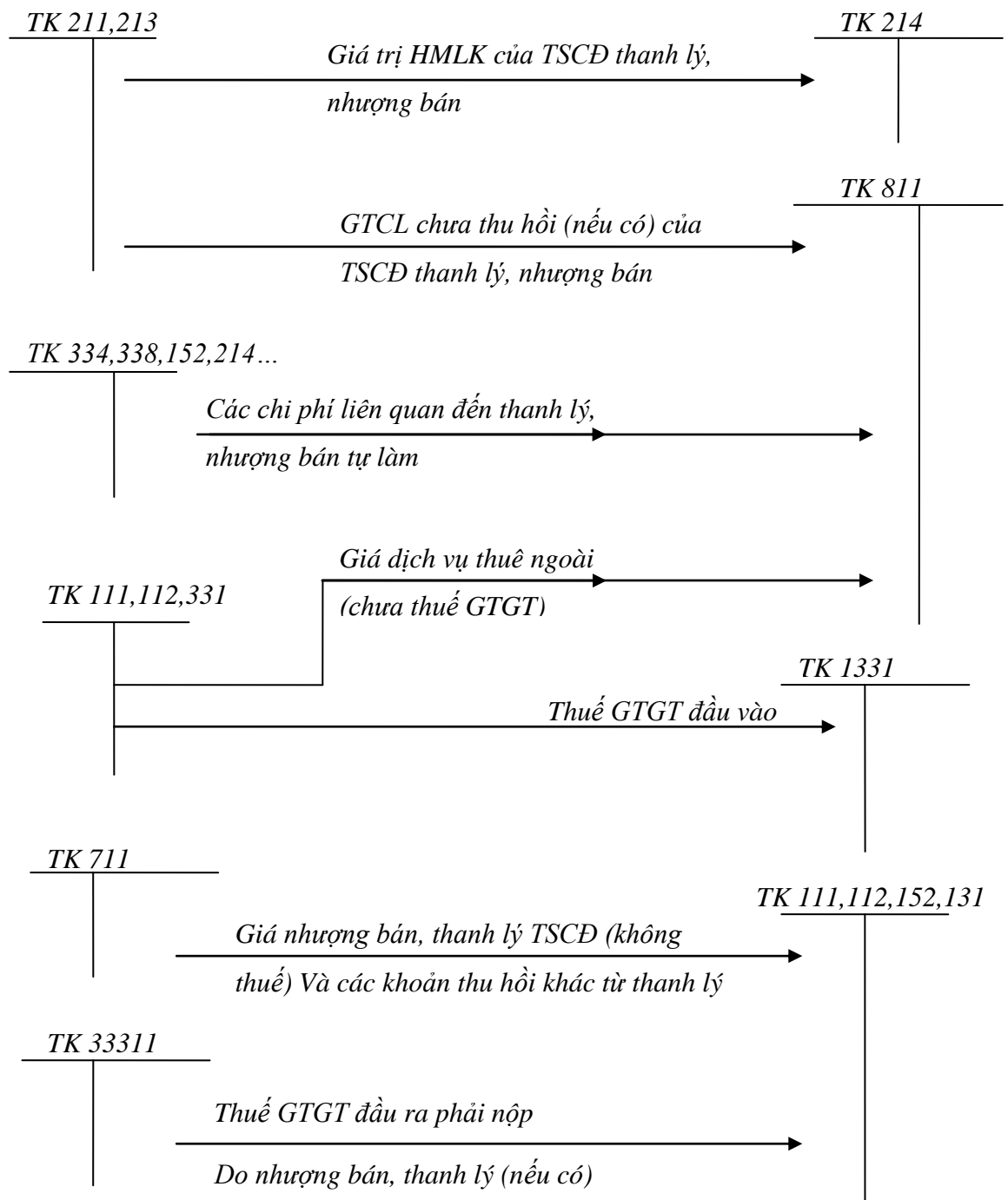
* Sơ đồ kế toán:

- Kế toán tăng TSCĐ:

Sơ đồ 1.2. Quy trình hạch toán tăng TSCĐ



- Kế toán giảm TSCĐ:

Sơ đồ 1.3. Quy trình hạch toán giảm TSCĐ

* Đặc trưng của các hình thức kế toán khác trong doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp áp dụng các hình thức kế toán khác, như: Nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký – sổ cái thì quy trình tăng, giảm và khấu hao có các đặc điểm cơ bản sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung: đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Với hình thức kế toán này, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Đồng thời, tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong tháng đều được phản ánh đầy đủ vào “Sổ Nhật ký chung”. Căn cứ vào số liệu trên “Sổ nhật ký chung” để ghi vào “Sổ cái” các tài khoản liên quan theo từng nghiệp vụ.

- Hình thức Nhật ký – Sổ cái: đặc trưng của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ “Nhật ký – sổ cái”. Mỗi chứng từ gốc được ghi trên một dòng và đồng thời ở cả hai phần “nhật ký” và “sổ cái” trên sổ này. Sau khi ghi trên sổ nhật ký – sổ cái, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết các tài khoản liên quan.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: đặc trưng của hình thức kế toán này là: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán, Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc “Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại” đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập “Chứng từ ghi sổ”. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào “Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ”, sau đó được dùng để ghi vào “Sổ cái”. Các chứng từ kế toán liên quan sau khi làm căn cứ để lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Hình thức kế toán trên máy vi tính: đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kế hợp các hình thức kế toán quy định ở trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.2.3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán.

Tùy theo quy mô và đặc điểm về tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp mà tổ chức bộ máy kế toán được thực hiện theo các hình thức sau:

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung:

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hình thức tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ở các đơn vị trực thuộc không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ phục vụ cho nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của từng bộ phận đó, lập báo cáo nghiệp vụ và chuyên chứng từ cùng báo cáo về phòng kế toán doanh nghiệp để xử lý và tiến hành công tác kế toán.

Ưu điểm của hình thức này là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán:

Hình thức tổ chức kế toán phân tán là hình thức tổ chức mà công tác kế toán không những được tiến hành ở phòng kế toán doanh nghiệp mà còn được tiến hành ở các đơn vị trực thuộc như phân xưởng hay đơn vị sản xuất trực thuộc doanh nghiệp. Công việc kế toán ở các đơn vị trực thuộc do bộ máy kế toán ở nơi đó đảm nhận từ công việc kế toán ban đầu, kiểm tra xử lý chứng từ đến kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp một số hoặc tất cả các phần hành kế toán và lập báo cáo kế toán trong phạm vi của bộ phận theo quy định của kế toán trưởng.

Phòng kế toán của doanh nghiệp thực hiện tổng hợp số liệu từ báo cáo ở các bộ phận gửi về, phản ánh các nghiệp vụ có tính chất chung toàn doanh nghiệp, lập báo cáo theo quy định của Nhà nước, đồng thời thực hiện việc hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán của các bộ phận.

Hình thức kế toán này được vận dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có quy mô lớn – liên hợp sản xuất kinh doanh.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán:

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán là hình thức tổ chức bộ máy kết hợp hai hình thức tổ chức trên, bộ máy tổ chức theo hình thức này gồm phòng kế toán trung tâm của doanh nghiệp và các bộ phận kế toán hay nhân viên kế toán ở các đơn vị trực thuộc. Phòng kế toán trung tâm thực hiện các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến toàn doanh nghiệp và các bộ phận khác không tổ chức kế toán, đồng thời thực hiện tổng hợp các tài liệu kế toán từ các bộ phận khác có tổ chức kế toán gửi đến, lập báo cáo chung toàn đơn vị, hướng dẫn kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, kiểm tra kế toán toàn đơn vị. Các bộ phận kế toán ở các bộ phận khác thực hiện công tác kế toán tương đối hoàn chỉnh các nghiệp vụ kế toán phát sinh ở bộ phận đó theo sự phân công của phòng kế toán trung tâm. Các nhân viên kế toán ở các bộ phận có nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và có thể xử lý sơ bộ chứng từ, định kỳ gửi chứng từ kế toán về phòng kế toán trung tâm.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán này thường phù hợp với những đơn vị có quy mô lớn nhưng các bộ phận phụ thuộc có sự phân cấp quản lý khác nhau thực hiện công tác quản lý theo sự phân công đó.

Tóm lại, để thực hiện đầy đủ chức năng của mình, bộ máy kế toán của doanh nghiệp phải được tổ chức khoa học, hợp lý, chuyên môn hóa, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và trực tiếp của kế toán trưởng, đồng thời cũng phải phù hợp với việc tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như trình độ quản lý của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

* Tên, quy mô, địa chỉ công ty.

Tên công ty: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc

Tên tiếng Anh: TAM BAC SHIPYARD.

Địa chỉ: Số 157 Hạ Lý - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Số điện thoại : 0313 (842898 – 842778 – 842775 – 820534).

Fax : 031 – 892898

Loại hình doanh nghiệp : Doanh nghiệp hạng II. Doanh nghiệp Nhà nước.

Vốn điều lệ : 106.695.420.709 (VND).

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 108162 ngày 07/7/1993 và bổ xung lần thứ I ngày 02/6/2005 do Trọng tài kinh tế Hải Phòng và Sở kế hoạch - Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp):

- Đóng mới và sửa chữa tàu biển, tàu sông, tàu chuyên dụng, sà lan.
- Sản xuất phụ kiện cho đóng mới và sửa chữa tàu xuất khẩu.
- Sản xuất, lắp dựng cấu kiện sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột anghen truyền hình, khung bằng thép như khung nhà, kho...).

* Quá trình hình thành và phát triển của công ty :

Ngày 30/10/1955 đánh dấu sự ra đời của công ty.

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, yêu cầu về phương tiện giao thông vận tải rất cấp bách. Nhìn lại phương tiện vận tải mà ta tiếp thu được của giặc Pháp như tàu lai, tàu kéo, sà lan...thì không một phương tiện nào có thể

sử dụng được. Trước những khó khăn và yêu cầu cấp bách trên, Bộ GTVT quyết định thành lập 4 xưởng đóng tàu tại Hải Phòng lấy tên là xưởng 1, xưởng 2, xưởng 3, xưởng 4. Trong đó có xưởng Sacric là xưởng đóng tàu Ba (tên cũ của công ty).

Đến tháng 2 năm 1977, Bộ GTVT quyết định đổi tên xưởng đóng tàu Ba thành nhà máy đóng tàu Tam Bạc.

- Từ năm 1977 đến 1984 nhà máy thuộc cục cơ khí Bộ GTVT.
- Từ năm 1985 đến 1992 nhà máy đóng tàu Tam Bạc thuộc liên hiệp các xí nghiệp cơ khí đóng tàu.
- Từ năm 1993 đến 1995 nhà máy thuộc liên hiệp khoa học sản xuất đóng tàu – Bộ Giao thông vận tải.
- Từ năm 1996 đến nay Nhà máy thuộc Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin).
- Từ tháng 5 năm 2008 đến nay, Nhà máy đóng tàu Tam Bạc chính thức chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần và đổi tên thành “Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc” – là công ty con của Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng, thuộc Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam Vinashin.

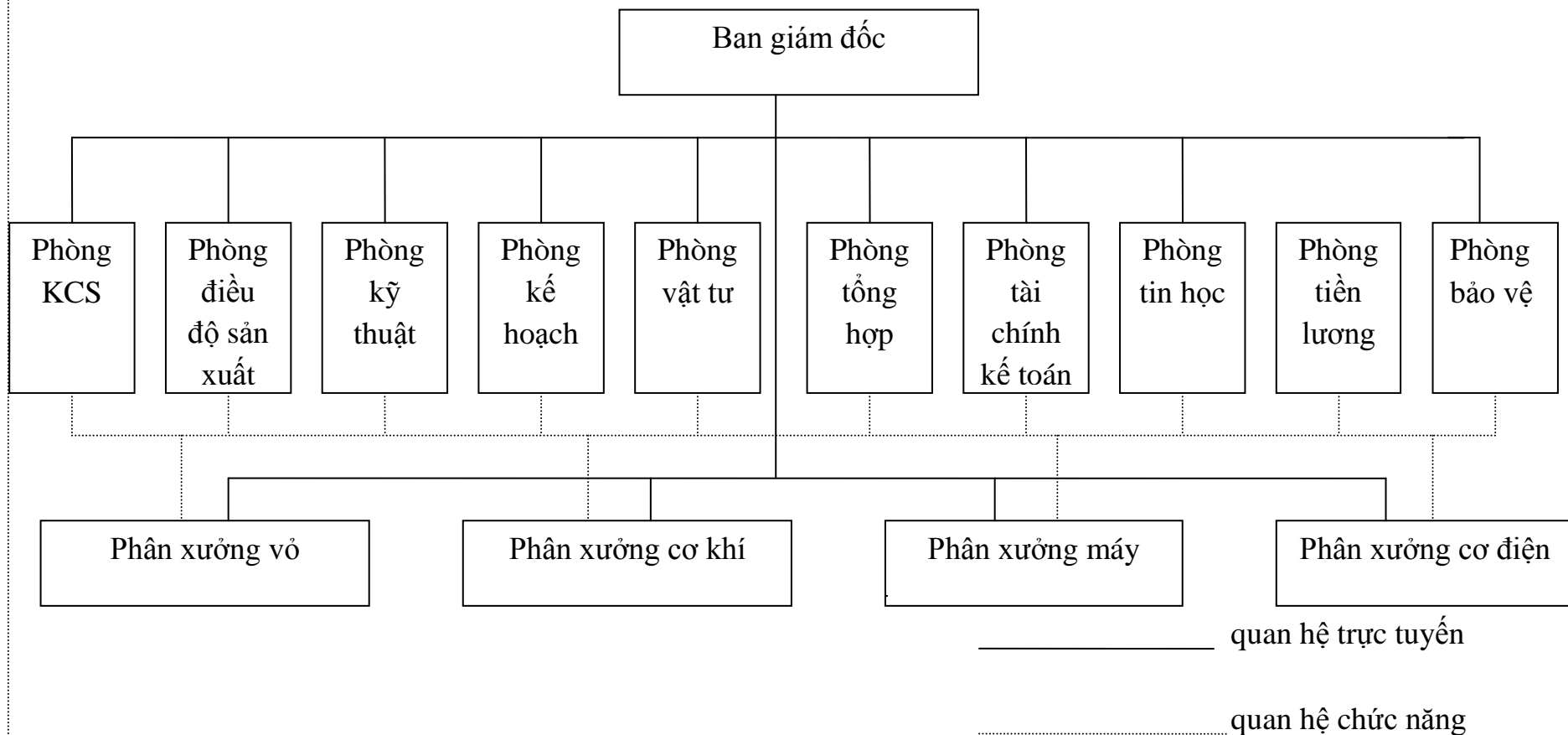
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ.

- Đóng mới và sửa chữa tàu biển, tàu sông.
- Sản xuất phụ kiện cho đóng mới và sửa chữa tàu biển, tàu sông.
- Cán thép từ thép phế liệu.
- Sản xuất, lắp dựng cấu kiện sắt thép cho xây dựng .

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc được mô tả qua sơ đồ số 2.1.

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bac



* Bộ máy lãnh đạo của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

- Giám đốc Vũ Quốc Hùng : là người đại diện cho Nhà nước và công nhân viên chức quản lý Công ty, Giám đốc có quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty theo đúng kế hoạch, chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành. Giám đốc có nhiệm vụ đảm bảo tổ chức và hoạt động của đại hội công nhân viên chức, Đảng ủy, Công đoàn, Thanh niên, ban thanh tra công nhân. Phải định kỳ thông báo tình hình hoạt động của công ty với Đảng ủy và hội đồng Công ty.

- Phó giám đốc Vũ Đình Nhung : là người giúp việc cho Giám đốc và thực hiện những nhiệm vụ do Giám đốc ủy quyền.

* Bộ máy tham mưu của công ty.

- Phòng KCS: là bộ phận kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, kiểm tra và nghiệm thu các thông số kỹ thuật và chất lượng sản phẩm hoàn thành.

- Phòng điều độ sản xuất : viết phiếu giao việc cho cá nhân, tổ sản xuất của các phân xưởng trong toàn công ty, theo dõi tiến độ sản xuất và lập phương án tiến độ thi công của một con tàu khi vào công ty.

- Phòng kỹ thuật : quản lý và triển khai các bản vẽ kỹ thuật, định mức tiêu chuẩn kỹ thuật, vật tư, lao động. Triển khai các bước công nghệ kỹ thuật, giám sát chất lượng kỹ thuật.

- Phòng kế hoạch : theo dõi điều độ kế hoạch sản xuất của các đội thực hiện công tác quản lý đầu tư, tổng hợp số liệu báo cáo về sản xuất của công ty, cùng giám đốc ký kết các hợp đồng với khách hàng.

- Phòng vật tư : Quản lý mua sắm, cấp phát vật tư theo định mức kỹ thuật. Tham mưu cho giám đốc những vật tư chậm luân chuyển, sử dụng hỗ trợ quay vòng vốn, duyệt phiếu lĩnh vật tư cho từng đơn vị cho sản phẩm, báo cáo lượng vật tư tiêu hao cho từng sản phẩm.

- Phòng tổng hợp : nắm chế độ chính sách điều động, tuyển chọn nguồn lực, quản lý hồ sơ của toàn bộ nhân viên trong Công ty, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề của cán bộ công nhân viên, lập lý lịch công tác, tham mưu cho Giám đốc để điều động lao động cho hợp lý, theo dõi lao động khối gián tiếp, bảo hộ lao động, BHXH, BHYT, BHTN. Tổ chức thực hiện và quản lý công tác hành chính văn thư đánh máy, lưu trữ hồ sơ tiếp khách, trực tổng đài điện thoại, tuyên truyền trang trí khánh tiết, bảo vệ con dấu của Công ty.

- Phòng Tài chính kế toán : có chức năng quản lý vốn, giám sát sự vận động của vốn trong quá trình sản xuất, việc sử dụng vốn có mục đích và kết quả thu thập của công ty. Tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê theo pháp lệnh kế toán do Nhà nước quy định, nắm bắt và xử lý những thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng các quy định, chế độ của Nhà nước.

Hướng dẫn công tác mở sổ sách đầy đủ và các biểu báo theo dõi phân tích hoạt động sản xuất đúng pháp lệnh thống kê kế toán. Thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động, theo dõi lao động, an toàn lao động, bảo hộ lao động, lập kế hoạch quỹ lương, tham mưu cho Giám đốc về tình hình sử dụng và quản lý quỹ lương, nâng bậc lương, các chế độ bảo hộ lao động, theo dõi thi đua khen thưởng.

Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức ngày giờ công cho từng sản phẩm đóng mới và sửa chữa, quản lý máy móc thiết bị, thiết kế theo dõi mạng lưới điện, xây dựng giá bán với khách hàng. Những định mức trên đều phải trình giám đốc, phó giám đốc kỹ thuật duyệt.

- Phòng tin học : phô tô các tài liệu cho giám đốc, phó giám đốc và toàn bộ các phòng ban trong công ty, soạn thảo văn bản cho giám đốc và các phòng ban lưu trữ các tài liệu vào công ty.

- Phòng tiền lương : nắm chế độ chính sách điều động, tuyển chọn nhân lực, quản lý hồ sơ của toàn bộ nhân viên chính của công ty, theo dõi

chăm công, làm lương, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề của cán bộ công nhân viên, lập lý lịch công tác, tham mưu với giám đốc điều động lao động cho hợp lý, theo dõi lao động khối gián tiếp, bảo hộ lao động, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

Tổ chức chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty, cấp giấy nghỉ ốm, làm hồ sơ sức khỏe cho những người đến tuổi về hưu, tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

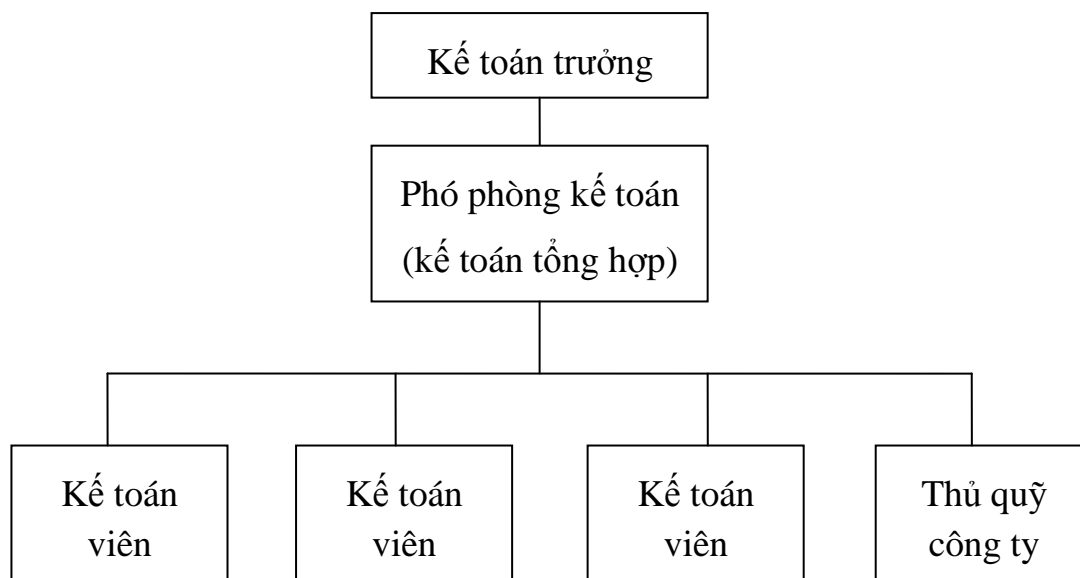
- Phòng bảo vệ : thực hiện công tác bảo vệ tài sản, trật tự an toàn công ty, từ các kho hàng, phân xưởng, phòng ban, giữ gìn trật tự, an ninh quốc phòng, công tác phòng chống cháy nổ, công tác quân sự tự vệ, phục vụ cho công tác hạ thủy cho con tàu như : căn kê tời toạc đà đưa vào ụ để sửa chữa, kê tàu bơm nước và vệ sinh âu đà cho công nhân các đội khác làm tiếp, xác định vị trí neo tàu vào sửa chữa.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

2.1.4.1. Hình thức tổ chức công tác kế toán.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này, toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Sơ đồ 2.2. Mô hình bộ máy kế toán

* Kế toán trưởng: là người đứng đầu phòng tài chính kế toán, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

* Phó phòng kế toán:

- Kiểm tra số liệu chi tiết, lập báo cáo tài chính tổng hợp, kiểm kê theo quy định và mục tiêu của phòng đề ra.

- Chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ quá trình trong lĩnh vực kinh doanh, xây dựng bao gồm: doanh thu, chi phí, công nợ khách hàng.

- Chịu trách nhiệm theo dõi nguồn vốn của công ty.

- Chịu trách nhiệm bảo quản các thiết bị văn phòng, công vụ trong quá trình làm việc. Bảo quản, lưu trữ, phân loại hồ sơ, chứng từ thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu luật định và quy trình kiểm soát hồ sơ.

- Có trách nhiệm khác do kế toán trưởng phân công.

- Có quyền ký thay kế toán trưởng ngoài nhiệm vụ được phân công khi kế toán trưởng đi vắng.

* Kế toán thuế, kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kế toán thuế:

+ Làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh; hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra, đầu vào của công ty, đóng chứng từ báo cáo thuế của công ty.

+ Lập tờ khai thuế.

- Kế toán vốn bằng tiền:

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh về tiền mặt, tiền gửi. Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

+ Kiểm tra thường xuyên tình hình thực hiện chế độ sử dụng và quản lý vốn bằng tiền, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng. Phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong doanh nghiệp.

+ Cùng thủ quỹ lập biên bản kiểm kê tiền mặt hàng tuần.

+ Mở sổ theo dõi các tài khoản vốn bằng tiền theo quy định.

+ Chịu trách nhiệm quản lý công nợ, tạm ứng nội bộ công ty.

* Kế toán vật tư, kế toán TSCĐ: có trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao TSCĐ, tình hình vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ kế toán.

* Kế toán tiền lương: làm nhiệm vụ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động trên cơ sở quyết định của Nhà nước và của đơn vị.

* Thủ quỹ công ty:

- Chịu trách nhiệm thu tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị (công trái, cổ phiếu, trái phiếu, vàng, bạc, đá quý...) và chi tiền theo chứng từ thu, chi hợp lệ đã được phê duyệt.

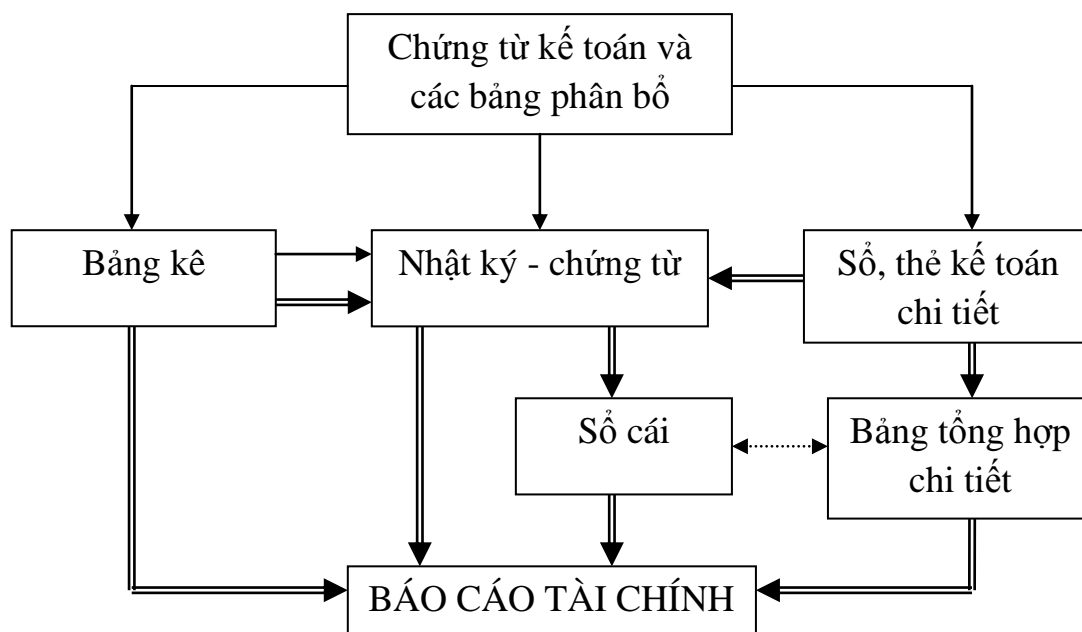
- Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán thanh toán.

2.1.4.2. Chế độ kế toán và hình thức kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc.

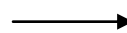
- Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc hiện đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính; được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho: thực tế đích danh.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Kỳ kế toán: bắt đầu từ 1/1 đến 31/12 năm báo cáo.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký – Chứng từ.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao đường thẳng.

Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký – chứng từ.



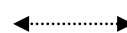
Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết liên quan.

- Chứng từ kế toán phục vụ cho công tác kế toán TSCĐ gồm:

+ Các quyết định có liên quan đến sự biến động (tăng, giảm) của TSCĐ;

+ Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản thanh lý TSCĐ; Biên bản đánh giá lại TSCĐ; Biên bản kiểm kê TSCĐ;

+ Hóa đơn GTGT;

+ Bảng phân bổ khấu hao.

- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký – chứng từ được ghi căn cứ vào Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của Bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các báo cáo tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản.

Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký–chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.

2.2.1. Phân loại, đánh giá tài sản cố định.

* Phân loại TSCĐ.

Tại công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc, nhìn chung TSCĐ rất đa dạng về số lượng, chủng loại và chất lượng. Để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả thì công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ theo những chỉ tiêu sau:

- Theo nguồn hình thành: TSCĐ của công ty chủ yếu được hình thành từ hai nguồn:

TSCĐ hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước: 17.233.709.172 VNĐ

TSCĐ hình thành từ nguồn vốn khác: 5.942.899.506 VNĐ

Tổng: 23.176.608.678 VNĐ

Cách phân loại này giúp công ty biết được TSCĐ được hình thành từ nguồn nào, chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong tổng vốn cố định. Từ đó công ty sẽ có phương hướng sử dụng vốn, khấu hao TSCĐ một cách hiệu quả, hợp lý.

- Phân loại theo đặc trưng kỹ thuật: TSCĐ của công ty bao gồm hai loại: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Công ty không có tài sản thuê tài chính.

Hai loại tài sản này được kế toán theo dõi trên các tài khoản 211, 213, phần hao mòn giá trị TSCĐ được theo dõi trên tài khoản tương ứng 2141, 2143.

+ Nhà cửa phục vụ sản xuất:	7.467.047.216 VNĐ
+ Máy móc thiết bị:	3.228.319.735 VNĐ
+ Phương tiện vận tải:	1.082.968.835 VNĐ
+ Vật kiến trúc:	11.263.768.941 VNĐ
+ Thiết bị văn phòng:	134.504.951 VNĐ
Tổng:	23.176.608.678 VNĐ

Qua số liệu trên cho thấy TSCĐ của công ty có số giá trị lớn, cách phân loại rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc thống kê, quản lý TSCĐ.

* Đánh giá TSCĐ.

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên tắc giá gốc.

- Phương pháp đánh giá:

+ Trường hợp tăng;

TSCĐ của công ty chủ yếu tăng do mua sắm trong nước. Nguyên giá của TSCĐ được xác định bằng công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua thực tế của TSCĐ} \\ \text{(không bao gồm thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển, lắp} \\ \text{đặt, chạy thử (nếu có)} \end{array}$$

Ngoài ra, có một số TSCĐ tăng do được cấp: Nguyên giá TSCĐ là GTCL trên sổ sách kế toán của đơn vị cấp.

+ Trường hợp khấu hao: Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 1/1/2010.

- Đánh giá theo giá trị còn lại: tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc, giá trị còn lại của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Số khấu hao lũy kế TSCĐ}$$

2.2.2. Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty.

- Để theo dõi chi tiết công ty mở sổ theo dõi TSCĐ toàn công ty.

- Khi có TSCĐ tăng (tất cả các TSCĐ mua, trang thiết bị mới) Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc thành lập ban bàn giao nghiệm thu. Ban này có nhiệm vụ nghiệm thu và cùng với đại diện đơn vị giao TSCĐ lập “biên bản giao nhận”. Biên bản này lập cho từng đối tượng TSCĐ. Hồ sơ bao gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, bản giao kỹ thuật, giấy vận chuyển, bóc dỡ. Phòng kế toán giữ lại các chứng từ này làm căn cứ hạch toán chi tiết TSCĐ. Căn cứ vào hồ sơ, phòng kế toán mở thẻ để hạch toán chi tiết từng đối tượng TSCĐ. Tất cả các TSCĐ mua, trang thiết bị mới đều được kế toán lập “Thẻ TSCĐ”, ghi vào “Sổ TSCĐ” và tại nơi sử dụng, các tài sản này được theo dõi trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng”.

- Khi TSCĐ giảm, kế toán chi tiết phải căn cứ vào biên bản thanh lý, nhượng bán, quyết định... được lập có quyết định của hội đồng công ty để ghi vào phần giảm trên thẻ TSCĐ, ghi giảm trên sổ TSCĐ.

- Cuối tháng, sau khi tính khấu hao cho từng TSCĐ, kế toán lập Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và ghi vào các sổ tổng hợp.

2.2.3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ tại công ty.

2.2.3.1. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.

- Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ do mua sắm.

Ví dụ: Ngày 25 tháng 11 năm 2011 mua một ô tô 4 chỗ nhãn hiệu TOYOTA Vios E màu bạc, giá mua 552.000.000 đồng (đã bao gồm VAT), công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thuế suất thuế GTGT 10%. Đưa vào sử dụng từ ngày 1 tháng 12 năm 2011. Trong đó

+ Giá mua: 501.820.000 VNĐ

+ Thuế trước bạ 15% : 82.800.000 VNĐ

+ Phí đăng ký: 1.000.000 VNĐ

+ Phí đăng kiểm: 260.000 VNĐ

+ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự 1 năm: 379.500 VNĐ

+ Bảo hiểm vật chất 1 năm 2,02%: 11.150.400 VNĐ

Nguyên giá xe TOYOTA VIOS E = 597.409.900 VNĐ

Giá xe(thuế VAT 10%), chi phí khác= 647.591.900 VNĐ

+ Tỷ lệ trích khấu hao là 14% một năm

Khấu hao 1 năm = $597.409.900 \times 14\% = 83.637.386$ (VNĐ)

Số khấu hao trích tháng 12/2011 = $\frac{83.637.386}{12} = 6.969.782$ (VNĐ)

12

- Chứng từ sử dụng:

+ Khi Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc mua xe tại đại lý TOYOTA, bên công ty TOYOTA sẽ xuất “Hóa đơn giá trị gia tăng” (biểu số 2.1);

+ Công ty nộp khoản phí đăng ký xe, và được nhận “Biên lai thu tiền phí, lệ phí” (biểu số 2.2);

+ Kế toán công ty ghi “Ủy nhiệm chi” (biểu số 2.3) để thanh toán tiền mua ô tô;

+ Tại thời điểm bàn giao ô tô, công ty TOYOTA xuất trình “Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng” (biểu số 2.4) và hai bên cùng ký vào “Biên bản giao nhận TSCĐ” (biểu số 2.5);

+ Khi ngân hàng thông báo đã chuyển tiền cho công ty TOYOTA để thanh toán tiền mua xe, Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc sẽ nhận được “Giấy báo nợ” của ngân hàng (biểu số 2.6).

- Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ, kế toán TSCĐ ghi vào “Thẻ TSCĐ” (biểu số 2.7) và “Sổ TSCĐ” (biểu số 2.8);

+ Khi TSCĐ được bàn giao đến bộ phận sử dụng, tại bộ phận sử dụng, TSCĐ mới được ghi và theo dõi trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng” (biểu số 2.9);

+ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán ghi vào sổ “Nhật ký – chứng từ số 2” (biểu số 2.10).

+ Lấy số liệu trên sổ Nhật ký – chứng từ số 2 để phản ánh vào “Sổ cái tài khoản 211” (biểu số 2.11)

- Cuối kỳ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

BIỂU SỐ 2.1.

CÔNG TY TOYOTA VIỆT NAM

TOYOTA MOTOR VIETNAM CO.LTD.

Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Phuc Thang Ward, Phuc Yen Town, Vinh Phuc Province

Điện thoại: (0211) 3868 100 Fax: (0211) 3868 117

Mã số thuế (Tax code)

2500150335

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số(Form):01GTKT3

DÙNG CHO XE Ô TÔ

Ký hiệu : AA/11P

RefNo: 11/0018637

VAT Invoice

Số (No) : 0018673

Liên(Copy) 3:Lưu bán hàng (Sale)

Ngày (Date) : 25/11/2011

Tên người mua(Customer name): **31010-Xí nghiệp TOYOTA Hải Phòng.THP**Địa chỉ (Address): **264 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng**Hình thức TT (Form of payment): **Chuyển khoản.**

Mã số thuế (Tax code): 0200581023-001

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Số lượng(Chiếc) (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	TOYOTA VIOS NCP93L- BEMRKU (VIOS E) Số khung(Frame no)7B9516836 Số máy(Engine no)Y441982 Màu(color code) :Bạc(1D4)	1	501.820.000	501.820.000
Cộng tiền hàng (Total sales amount):				501.820.000
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount)				50.182.000
Tổng cộng tiền thanh toán :				552.002.000
Số tiền viết bằng chữ (in word): Năm trăm năm mươi hai triệu không trăm linh hai nghìn đồng chẵn				

Người mua hàng
(Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người viết hóa đơn
(Prepared by)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Checked by)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt
(Approval)

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯƠNG THỊ LIÊN
PHÒNG LOGISTICSTRỊNH THỊ HƯỜNG
PHÒNG TÀI C HÍNH

BIỂU SỐ 2.2

TỔNG CỤC THUẾ
CHI CỤC THUẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 01-05/BLP

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ
(Liên 2: Giao cho người nộp tiền)

Số **095548**

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc

Địa chỉ: 157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Lý do nộp (ghi tên loại phí, lệ phí): Lệ phí đăng ký xe TOYOTA Vios E Bạc

Số tiền: 1.000.000 VNĐ

(Viết bằng chữ): Một triệu đồng chẵn

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Ngày 26 tháng 11 năm 2011

Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 2.3

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

VietinBank

ỦY NHIỆM CHI*Payment Order*

Số No: 0021

Ngày Date: 26/11/2011

Liên 2 Copy 2

Tên đơn vị trả tiền *Payment*: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc
Tài khoản nợ *Debit A/C*: 711A48727825
Tại ngân hàng *With Bank*: Ngân hàng VietinBank
Số tiền bằng chữ *Amount in word*: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm chín một nghìn chín trăm đồng

Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i> 647.591.900 VND
--

Tên đơn vị nhận tiền *Receiver*: Công ty TOYOTA Hải Phòng
Tài khoản nợ *Debit A/C*: 0011001914636
Tại ngân hàng *With Bank*: VietComBank
Nội dung *Remark*: Thanh toán tiền mua xe TOYOTA Vios E theo HĐ 18673

Đơn vị trả tiền *Payer*Ngày hạch toán *Accounting date*Kế toán *Accountant*Chủ tài khoản *A/C holder*Giao dịch viên *Teller*Kiểm soát viên *Supervisor*

BIỂU SỐ 2.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

* * *

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XUỞNG

DÙNG CHO XE CƠ GIỚI

Số: V1B14394

Căn cứ Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại số 400/VAQ07-01/07 ngày 26 tháng 6 năm 2011 của Cục ĐKVN;

Căn cứ kết quả tự kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lắp ráp;

Cơ sở sản xuất: Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam đảm bảo rằng:

Sản phẩm:	Ô tô con	Số loại: Vios NCP93L- BEMRKU
Nhãn hiệu:	TOYOTA	Màu sơn: Bạc
Loại hình lắp ráp:	CKD	Đóng tại: Việt Nam
Số khung: RL4B1923 7B9516836		Đóng tại: Nước ngoài
Số động cơ: INZ Y441982		Thể tích làm việc của động cơ: 1497cm ³
Trọng lượng bản thân: 1055 Kg		Số người cho phép chở: 5
Tải trọng:		(kể cả người lái)
Trọng lượng toàn bộ: 1495 Kg		

do cơ sở chúng tôi sản xuất hoàn toàn phù hợp với sản phẩm mẫu đã được chứng nhận chất lượng và thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

Ghi chú: *Phiếu này sử dụng để cấp cho xe nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS do Công ty oto TOYOTA Việt Nam sản xuất, lắp ráp*

Ngày 26 tháng 11 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG-PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NGUYỄN ĐỨC THÁI

Phiếu này do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành

BIỂU SỐ 2.5

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng – HP

Mẫu số 01 – TSCĐ
Số 02

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

TK Nợ	TK Có	Số tiền
211	111	501.820.000
133	111	50.182.000
Tổng cộng		552.002.000

Căn cứ vào QĐ số 50/CVTB ngày 25 tháng 11 năm 2011 của công ty CP CNTT Tam Bạc về việc bàn giao TSCĐ: 01 chiếc ô tô 4 chỗ hiệu Toyota Vios E màu bạc.

Ban giao nhận gồm:

- Đại diện bên giao TSCĐ:

Ông (bà): Phạm Văn Chuân Chức vụ: Trưởng phòng bán hàng

- Đại diện bên nhận TSCĐ:

Ông (bà): Lê Thùy Linh Chức vụ: Phó giám đốc

Ông (bà): Bùi Văn Cường Chức vụ: Tổ trưởng tổ bảo vệ

Địa điểm giao nhận TSCĐ: Công ty CP CNTT Tam Bạc.

Xác nhận về việc giao nhận như sau:

S T T	Tên, ký hiệu TSCĐ	SH TSCĐ	Nước SX	Năm SX	Năm đưa vào SD	Công suất	Tính nguyên giá TSCĐ		
							Giá xe	Chi phí khác	Tổng
1	ViosE	00024	Việt Nam	2011	2011	4 chỗ	552.002.000	95.589.900	647.591.900

Đại diện bên nhận TSCĐ
(Ký, họ tên)

Đại diện bên giao TSCĐ
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.6

VIETINBANK

GIẤY BÁO NỢ

Gio in: 4:50:11PM

Ngày 30 tháng 11 năm 2011 Số 21

ĐÃ HẠCH TOÁN

Người trả tiền: CT CPCN TAU THUY TAM BAC
Số tài khoản: 711A48727825
Địa chỉ: NGAN HANG CONG THUONG VIET NAM

Người hưởng: CONG TY TOYOTA HAI PHONG
Số tài khoản: 0011001914636
Địa chỉ: NGAN HANG VIETCOMBANK HAI PHONG
Số CMT:
Địa chỉ: 274 Lạc Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng
Số tiền: 647.591.900 VND
Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm chín một nghìn chín trăm đồng

Nội dung/ REF: Thanh toán tiền mua oto TOYOTA Vios E

GIAO DỊCH VIÊN

LIÊN 2

PHONG NGHIỆP VỤ

BIỂU SỐ 2.7**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số:54

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2011

- Tên hàng hóa : Ô tô TOYOTA
- Nước sản xuất : Việt Nam
- Bộ phận sử dụng : Giám đốc
- Năm sản xuất : 2011
- Năm đưa vào sử dụng : 2011

SH chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
BB02	28/11	Mua xe ô tô Toyota Vios E bạc	597.409.900	2011	6.969.782	6.969.782
		Cộng	597.409.900		6.969.782	6.969.782

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Lý do giảm:.....

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BIỂU SỐ 2.8

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2011

Loại tài sản: ô tô Toyota Vios E

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính đến khi ghi giảm	Chứng từ		
								Tỷ lệ	Mức KH		SH	NT	
1	BB02	28/11	ViosE	Việt Nam	12/2011	2113_24	597.409.900	14%	6.969.782				
Cộng							597.409.900		6.969.782				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.9

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2011

Tên đơn vị: Phòng Giám đốc

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	1	2	3=1×2	E	G	H	4	5	I
BB02	28/11	ViosE	Chiếc	01	597.409.900	597.409.900						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.10

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S04a2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2
Ghi Có Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng.
Tháng 11 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có tài khoản 112, ghi nợ các tài khoản					Cộng có TK 112
	Số hiệu	Ngày tháng		133	152	331	...	211	
....
03	UNC17	3/11	Thanh toán tiền mua phụ kiện tàu HB11, SLLASH	5.000.000	50.000.000				55.000.000
...			
08	UNC20	15/11	Trả tiền CTy Việt Chính			29.510.000			29.510.000
09	HĐ18673	25/11	Thanh toán tiền mua oto TOYOTA Vios E bạc	50.182.000				597.409.900	647.591.900
	UNC21	26/11							
	GBN21	30/11							
			Cộng	58.230.000	485.625.600	98.793.000	...	597.409.900	2.458.057.500

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.11

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 211 – Tài sản cố định

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
10.075.951.167	

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
		112		597.409.900	
		
Cộng SPS Nợ		11.841.402.000	597.409.900	-	68.739.247.153.
Tổng SPS Có		10.231.082.600	-	151.235.991	70.134.829.711
Số dư cuối tháng	Nợ	8.234.194.700	8.831.604.600	8.680.368.609	8.680.368.609
	Có				

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ.

Hiện nay ở công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc, hầu hết TSCĐ giảm là do thanh lý.

Để thanh lý một TSCĐ, công ty tiến hành khảo sát, đưa ra biên bản họp, từ đó đưa ra quyết định.

Ví dụ : Ngày 26 tháng 12 năm 2011, công ty thanh lý một số TSCĐ.

- Chứng từ : xét theo tình hình thực tế của TSCĐ tại nơi quản lý và sử dụng, khi TSCĐ hỏng, không sửa chữa được, không vận hành đúng công suất, không còn đáp ứng được nhu cầu sản xuất của công ty :

+ Bộ phận sử dụng sẽ lập “Giấy đề nghị thanh lý TSCĐ” (biểu số 2.12), kèm theo là “Biên bản khảo sát tài sản xin thanh lý” (biểu số 2.13).

+ Từ đề nghị trên, ban lãnh đạo công ty sẽ xem xét và ra “Quyết định” thanh lý (biểu số 2.14).

- Căn cứ vào các chứng từ trên:

+ Kế toán ghi giảm trên Thẻ TSCĐ” (biểu số 2.15; 2.16; 2.17; 2.18);

+ Ghi giảm trên “Sổ TSCĐ” (biểu số 2.19; 2.20; 2.21; 2.22);

+ Tại nơi quản lý, sử dụng, ghi giảm trên “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng” (biểu số 2.23; 2.24)

+ Căn cứ vào Quyết định thanh lý, kế toán ghi “Nhật ký chứng từ số 9” (biểu số 2.25).

+ Căn cứ vào Nhật ký chứng từ số 9, kế toán ghi “Sổ cái tài khoản 211” (theo biểu số 2.11).

BIỂU SỐ 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
157 – Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Hải phòng, ngày 2 tháng 12 năm 2011

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TÀI SẢN

Kính gửi: - Ban lãnh đạo công ty

- Phòng Tài chính – Kế toán

Căn cứ vào tình trạng hư hỏng, không thể sửa chữa, khắc phục được của một số máy móc thiết bị tại hai phân xưởng máy là: phân xưởng máy 1 và phân xưởng máy 2, quản đốc phân xưởng kính đề nghị Ban lãnh đạo công ty và Phòng Tài chính – Kế toán xem xét cho thanh lý các tài sản sau:

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý:

Số TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Năm đưa vào sử dụng	Bộ phận sử dụng	Hiện trạng tài sản	Hình thức đề nghị
1	Máy ép gió 44KW chạy điện+chai gió 200 lít	26.000.000	T1/03	PXM1	Hỏng, không sửa chữa được	Thanh lý
2	Búa máy 400kg (đe+búa+ mô tơ+tủ điện)	11.700.000	T1/03	PXM2	Hỏng, không sửa chữa được	Thanh lý
3	Máy phun cát(máy nén khí+chai gió+bình phun cát)	55.025.991	T6/06	PXM1	Hỏng, không sửa chữa được	Thanh lý
4	Máy phun sơn+mô tơ+ bình gió	58.510.000	T11/05	PXM2	Hỏng, không sửa chữa được	Thanh lý

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.13**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Số 03****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BIÊN BẢN KHẢO SÁT TÀI SẢN XIN THANH LÝ**

Hôm nay, ngày 4 tháng 12 năm 2011, tại công ty cổ phần CNTT Tam Bạc, chúng tôi gồm có:

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông (bà): Nguyễn Thị Hương | Phó phòng kế hoạch – vật tư |
| 2. Ông (bà): Đặng Thị Nghinh | NV phòng kế hoạch – vật tư |
| 3. Ông (bà): Trịnh Thị Vân | Thủ kho |
| 4. Ông (bà): Phan Tường Vân | Thủ kho |
| 5. Ông (bà): Phạm Thị Quyên | Trưởng phòng TCKT |
| 6. Ông (bà): Nguyễn Thị Mai Hương | NV phòng TCKT |
| 7. Ông (bà): Hồ Trung Kiên | Phó phòng kỹ thuật - KCS |
| 8. Ông (bà): Bùi Mạnh Hà | Trưởng phòng ĐDSX |

Chúng tôi đã xem tình trạng cụ thể các TSCĐ sau

S T T	Tên TSCĐ	Kiểu	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số sách				Ghi chú
					SL	Nguyên giá	KH lũy kế đến 30/11/11	Giá trị còn lại đến 30/11/11	
1	Máy ép gió 44KW chạy điện+chai gió 200 lít		T1/03	Cái	1	26.000.000	23.183.333	2.816.667	Hồng, PXM1
2	Búa máy 400kg (đè+búa+ mô to+tủ điện)		T1/03	Cái	1	11.700.000	10.432.500	1.267.500	Hồng: PXM2
3	Máy phun cát(máy nén khí+chai gió+bình phun cát)	PBM 2452	T6/06	Cái	1	55.025.991	33.626.994	21.398.997	Hồng:P XM1
4	Máy phun sơn+mô to+bình gió	PR 63	T11/05	Cái	1	58.510.000	44.491.979	14.018.021	Hồng, PXM2

Các thiết bị trên đều đã hỏng, không thể sửa chữa và thay thế được, không còn giá trị sử dụng trong sản xuất. Vậy đề nghị Hội đồng thanh lý của Công ty cho thanh lý để giải phóng mặt bằng phục vụ sản xuất.

P.KCS**P.TCKT****P.ĐIỀU ĐỘ SX****P.VT****DUYỆT**

BIỂU SỐ 2.14

TỔNG CÔNG TY CNTT TAM BẠC
CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
HẢI PHÒNG
Số 143/ĐTTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Hải phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Duyệt cho thanh lý công cụ dụng cụ, thiết bị thuộc****tài sản Công ty cổ phần CNTT Tam Bạc**

Căn cứ luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần CNTT Tam Bạc ngày 27/3/2011;

Căn cứ Quyết định số 94/QH – HĐQT ngày 02/01/2011 của Chủ tịch hội đồng quản trị về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần CNTT Tam Bạc;

Căn cứ quyết định số 15/QĐ – TCTB ngày 28/4/2010 của Giám đốc công ty cổ phần CNTT Tam Bạc về việc thành lập hội đồng thanh lý tài sản;

Căn cứ biên bản họp của hội đồng thanh lý của công ty cổ phần CNTT Tam Bạc ngày 25/12/2011 về việc đánh giá tình trạng các công cụ dụng cụ, thiết bị cần thanh lý;

Căn cứ quy định của Nhà nước về việc tổ chức thanh lý tại doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duyệt cho thanh lý các tài sản cố định không phù hợp và không còn giá trị sử dụng trong sản xuất kinh doanh (có bảng phụ lục kèm theo).

Điều 2: Hội đồng thanh lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc tổ chức tiến hành thanh lý các hạng mục tài sản theo bảng phụ lục, đảm bảo theo đúng trình tự và luật định.

Điều 3: Các ông (bà) có tên trong Hội đồng thanh lý của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Giám đốc

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu BGD để báo cáo

PHỤ LỤC 01

Danh mục các tài sản cố định được thanh lý

Kèm theo quyết định số: 143/ĐTTB ngày 26 tháng 12 năm 2011

S T T	Tên TSCĐ	Kiểu	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số sách				Ghi chú
					S L	Nguyên giá	KH lũy kế đến 30/11/11	Giá trị còn lại đến 30/11/11	
1	Máy ép gió 44KW chạy điện+chai gió 200 lít		T1/0 3	Cái	1	26.000.000	23.183.333	2.816.667	Hông, PXM1 quản lý
2	Máy búa 400kg (đe+búa+ +mô tơ+tủ điện)		T1/0 3	Cái	1	11.700.000	10.432.500	1.267.500	Hông: PXM2 quản lý
3	Máy phun cát(máy nén khí+chai gió+bình phun cát)	PBM 2452	T6/0 6	Cái	1	55.025.991	33.626.994	21.398.997	Hông: PXM1 quản lý
4	Máy phun son+mô tơ+ bình gió	PR 63	T11/ 05	Cái	1	58.510.000	44.491.979	14.018.021	Hông, PXM2 quản lý

BIỂU SỐ 2.15**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số:31

Ngày 1 tháng 1 năm 2003

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 1 tháng 1 năm 2003

- Tên hàng hóa : Máy ép gió 44KW chạy điện
- Nước sản xuất : Việt Nam
- Bộ phận sử dụng : Phân xưởng máy 1
- Năm sản xuất : 1999
- Năm đưa vào sử dụng : 2003

SH chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
BB01	1/1/0 3	Máy ép gió 44KW chạy điện	26.000.000	2003	2.600.000	2.600.000
			
				2010	2.600.000	20.800.000
				2011	2.383.333	23.183.333
		Cộng	26.000.000			23.183.333

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: QĐ143 ngày 26 tháng 12 năm 2011

Lý do giảm: Hỏng, không sửa chữa được.

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.16**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 32

Ngày 1 tháng 1 năm 2003

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 1 tháng 1 năm 2003

- Tên hàng hóa : Búa máy 400kg
- Nước sản xuất : Việt Nam
- Bộ phận sử dụng : Phân xưởng máy 2
- Năm sản xuất : 2000
- Năm đưa vào sử dụng : 2003

SH chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
BB02	1/1/0 3	Búa máy 400kg	11.700.000	2003	1.170.000	1.170.000
			
				2010	1.170.000	9.360.000
				2011	1.072.500	10.432.500
		Cộng	11.700.000			10.432.500

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: QĐ143 ngày 26 tháng 12 năm 2011

Lý do giảm: Hỏng, không sửa chữa được

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.17**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 38

Ngày 29 tháng 5 năm 2006

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2006

- Tên hàng hóa : Máy phun cát
- Nước sản xuất : Việt Nam
- Bộ phận sử dụng : Phân xưởng máy 1
- Năm sản xuất : 2001
- Năm đưa vào sử dụng : 2006

SH chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
BB04	29/5/ 06	Máy phun cát	55.025.991	2006	3.566.499	3.566.499
				2007	6.113.999	9.680.498
			
				2010	6.113.999	28.022.495
				2011	5.604.499	33.626.994
		Cộng	55.025.991			33.626.994

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: QĐ143 ngày 26 tháng 12 năm 2011

Lý do giảm: Hỏng, không sửa chữa được

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.18**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 35

Ngày 1 tháng 11 năm 2005

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 1 tháng 11 năm 2005

- Tên hàng hóa : Máy phun sơn
- Nước sản xuất : Việt Nam
- Bộ phận sử dụng : Phân xưởng máy 2
- Năm sản xuất : 2000
- Năm đưa vào sử dụng : 2005

SH chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
B01	1/11/ 05	Máy phun sơn	58.510.000	2005	1.218.958	1.218.958
				2006	7.313.750	8.532.708
			
				2010	7.313.750	37.787.708
				2011	6.704.271	44.491.979
		Cộng	58.510.000			44.491.979

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: QĐ143 ngày 26 tháng 12 năm 2011

Lý do giảm: Hỏng, không sửa chữa được

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.19

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2011

Loại tài sản: Máy ép gió 44KW chạy điện

S T T	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính đến khi ghi giảm	Chứng từ		
								Tỷ lệ (%)	Mức KH		SH	NT	
1	BB 01	1/1/03	MEG44	Việt Nam	1/03	2112_106	26.000.000	10	2.383.333	23.183.333	QĐ 143	26/12/11	Hỏng
Cộng							26.000.000		2.383.333	23.183.333			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.20

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2011

Loại tài sản: Búa máy 400kg

S T T	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	Số hiệu	Ngày tháng	Tên, đặc điểm, kí hệ	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ (%)	Mức KH		SH	NT	
1	BB 02	1/1/0 3	BM400	Việt Nam	1/03	2112_107	11.700.000	10	1.072.500	10.432.500	QĐ 143	26/12/ 11	Hồng
Cộng							11.700.000		1.072.500	10.432.500			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.21

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2011

Loại tài sản: Máy phun cát

S T T	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	Số hiệu	Ngày tháng năm	Tên, đặc điểm, kí hệ	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH		SH	NT	
1	BB 04	29/ 5/0 6	MPC	Việt Nam	6/05	2112_113	55.025.991	11%	5.604.499	33.626.994	QĐ 143	26/12/ 11	Hồng
Cộng							55.025.991		5.604.499	33.626.994			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.22

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2011

Loại tài sản: Máy phun sơn

S T T	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		KH đã tính đến khi ghi giảm	Chứng từ		
								Tỷ lệ (%)	Mức KH		SH	NT	
1	BB 01	1/11/05	MPS	Việt Nam	11/05	2112_112	58.510.000	12.5	6.704.271	44.491.979	QĐ 143	26/12/11	Hồng
Cộng							58.510.000		6.704.271	44.491.979			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.23

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2011

Tên đơn vị: Phân xưởng máy 1

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	1	2	3=1×2	E	G	H	4	5	I
BB01	1/1/03	Máy ép gió 44KW (MEG44)	Cái	01	26.000.000	26.000.000	QĐ143	26/12/11	Hồng	01	26.000.000	
BB04	29/5/06	Máy phun cát (MPC)	Cái	01	55.025.991	55.025.991	QĐ143	26/12/11	Hồng	01	55.025.991	

Ngày 32 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.24

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2011

Tên đơn vị: Phân xưởng máy 2

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	1	2	3=1×2	E	G	H	4	5	I
BB02	1/1/03	Búa máy 400kg (BM400)	Cái	01	11.700.000	11.700.000	QĐ143	26/12/11	Hỏng	01	11.700.000	
BB01	1/11/05	Máy phun sơn (MPS)	Cái	01	58.510.000	58.510.000	QĐ143	26/12/11	Hỏng	01	58.510.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.25

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S04a9 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 9
Ghi có TK 211 – TSCĐ hữu hình
Ghi có TK 212 – TSCĐ thuê tài chính
Ghi có TK 213 – TSCĐ vô hình
Tháng 12 năm 2011

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 211, Ghi nợ các TK				Cộng có TK 211
	Số hiệu	Ngày tháng		214	41 1	811	22 2	
1	QĐ14 3 BB03	26/1 2 26/1 2	Giảm TSCĐ không dùng trong SXX D					
			- Máy ép gió 44KW chạy điện	23.183.333		2.816.667		26.000.000
			- Búa máy 400kg	10.432.500		1.267.500		11.700.000
			- Máy phun cát	33.626.994		21.398.99 7		55.025.991
			- Máy phun sơn	44.491.979		14.018.02 1		58.510.000
			Cộng	111.734.80 6	-	39.501.18 5	-	151.235.99 1

Kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng, nên doanh nghiệp phải tiến hành trích khấu hao.

Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định của Nhà nước.

Ví dụ: Căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 11/2011; căn cứ tình hình tăng, giảm TSCĐ trong tháng 12/2011, kế toán lập Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2011 (biểu số 2.26).

Từ Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2011, kế toán phản ánh vào:

- Nhật ký chứng từ số 7 (biểu số 2.27)
- Nhật ký chứng từ số 9 (biểu số 2.25)
- Sổ cái tài khoản 214 (biểu số 2.28)

BIỂU SỐ 2.26

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng – HP

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO
Tháng 12 năm 2011

Số TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao	Nơi sử dụng Toàn DN		TK 627		TK 642
			Nguyên giá	Số KH	PX1	PX2	
I	Số KH trích tháng trước		23.862.025.513	3.649.286.776	1.835.766.800	1.722.547.656	90.972.320
II	Số KH TSCĐ tăng trong tháng		597.409.900	6.969.782			6.969.782
	- oto TOYOTA Vios E bạc	14%	597.409.900	6.969.782			6.969.782
III	Số KH TSCĐ giảm trong tháng		151.235.991	111.734.806	56.810.327	54.924.479	

	Máy ép gió 44KW chạy điện+chai gió 200 lít	10%	26.000.000	23.183.333	23.183.333		
	Máy búa 400kg (đe+búa+ +mô tơ+tủ điện)	10%	11.700.000	10.432.500		10.432.500	
	Máy phun cát(máy nén khí+chai gió+bình phun cát)	9 năm	55.025.991	33.626.994	33.626.994		
	Máy phun sơn+mô tơ+ bình gió	8 năm	58.510.000	44.491.979		44.491.979	
IV	Số KH trích tháng này		24.308.199.422	3.544.521.752	1.778.956.473	1.667.623.177	97.942.102

Kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.27

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng – HP

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Tháng 12 năm 2011

Số TT	Các TK ghi Nợ	TK...	TK 627	TK 641	TK 642	TK...
	Các TK ghi Có					
...						
8	214		3.446.579.650		97.942.102	
	Cộng		3.446.579.650		97.942.102	

Kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 2.28

Công ty CP CNTT Tam Bạc
157 Hạ Lý - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S04a9 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 214 – Hao mòn tài sản cố định

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	2.415.787.033

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
		211	-		111.734.806
...					
Cộng SPS Nợ		-	-	111.734.806	23.806.518.232
Tổng SPS Có		98.937.228	102.527.155	3.544.521.752	28.472.804.921
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có	3.546.759.621	3.649.286.776	7.082.073.722	7.082.073.722

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.

3.1.1. Ưu điểm.

Trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc đã không ngừng cải thiện công tác kế toán TSCĐ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Nhờ sự cố gắng này mà việc quản lý, sử dụng TSCĐ đã được cải thiện đáng kể, năng suất lao động đã được tăng lên, khả năng cung ứng sản phẩm cho khách hàng cũng tăng theo, đó cũng là tiền đề tạo điều kiện cho lợi nhuận của công ty tăng lên. Có được những ưu điểm trên là do:

- Thứ nhất: Về bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức phù hợp với yêu cầu công việc, phù hợp với trình độ chuyên môn của mỗi nhân viên. Công ty cũng phân công rõ chức năng và nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ nhân viên trong từng phòng ban.

- Thứ hai: Về hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.

Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng đầy đủ, chi tiết, cụ thể và rõ ràng, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã xây dựng hệ thống sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp một cách đầy đủ và hợp lý.

Theo dõi ghi chép kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đáp ứng yêu cầu thông tin đối với yêu cầu quản lý của công ty. Đặc biệt phòng kế toán đã được trang bị máy vi tính giúp cho việc lưu trữ và quản lý dữ liệu kế toán được thuận tiện hơn.

Hệ thống tài khoản kế toán mà công ty sử dụng đúng theo quy định hiện hành.

- Thứ ba: Về hình thức kế toán.

Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký – chứng từ”, hình thức này rất phù hợp với quy mô của công ty và năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên kế toán.

- Thứ tư: Về công tác quản lý TSCĐ.

Công tác quản lý TSCĐ là công tác rất phức tạp và khó khăn, mặc dù vậy công ty vẫn thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc, do đó không để xảy ra hiện tượng mất và thất thoát tài sản. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán.

Đây là thành tích không chỉ riêng của phòng kế toán mà còn có sự đóng góp của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong việc giữ gìn và bảo quản tài sản của công ty.

- Thứ năm: Về công tác kỹ thuật.

Công ty luôn có một đội ngũ thợ kỹ thuật có tay nghề cao, đảm bảo đúng những thông số kỹ thuật mà bạn hàng yêu cầu. Đây cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng, mẫu mã của sản phẩm. Việc sử dụng TSCĐ một cách hợp lý đã mang lại tình hình kinh tế cao cho công ty.

Việc sử dụng TSCĐ tốt đã giúp công ty tiết kiệm được một lượng chi phí sửa chữa đáng kể. Vì vậy nó cũng góp phần làm tăng lợi nhuận cho công ty. Nhiều máy móc thiết bị hiện đại cũng tiết kiệm được một nguồn nhân lực lớn.

3.1.2. Hạn chế.

Với quy mô hiện nay của công ty, cơ cấu tổ chức quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng đã đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả và hợp lý. Song bên cạnh những kết quả đạt được, công ty vẫn còn những vấn đề tồn tại trong hạch toán, quản lý và sử dụng TSCĐ cần được khắc phục.

Một là: Hiện nay, hệ thống cơ sở vật chất cho việc tổ chức công tác kế toán trong công ty khá hiện đại với dàn máy tính phục vụ cho việc quản lý, lưu trữ, nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công với sự hỗ trợ của máy

tính mà chưa áp dụng kế toán máy để nâng cao khả năng cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý và tiết kiệm sức lao động cho cán bộ, nhân viên kế toán.

Hai là: Hiện nay, công ty đang sử dụng chế độ khấu hao theo đường thẳng. Đây là phương pháp khấu hao đơn giản và được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên, phương pháp này sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn, chi phí khấu hao tính cho các thời điểm là không phù hợp. TSCĐ tại công ty có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau nên công dụng của TSCĐ cũng như cách thức phát huy tác dụng của TSCĐ trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng khác nhau. Vì vậy, phương pháp khấu hao theo đường thẳng (cố định mức khấu hao theo thời gian) có tác dụng thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động nhưng việc thu hồi vốn chậm, không theo kịp mức hao mòn thực tế, nhất là hao mòn vô hình do tiến bộ khoa học kỹ thuật, nên đã hạn chế việc đầu tư trang thiết bị, TSCĐ mới của doanh nghiệp.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.

3.2.1 Phương hướng hoàn thiện hạch toán TSCĐ tại công ty.

3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện hạch toán TSCĐ.

Hiện nay, công tác kế toán luôn được chú trọng ở tất cả các doanh nghiệp vì tầm quan trọng của nó. Nhiệm vụ kế toán là ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp. Nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp. Đối với các nhà quản lý, các thông tin này giúp cho họ có những cơ sở để đưa ra những quyết định kinh tế phù hợp với các nhà đầu tư, các thông tin này là cơ sở để ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Việc hạch toán và quản lý TSCĐ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Trong điều kiện ngày càng có thêm nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường hiện nay,

kế toán là công cụ hữu hiệu để công ty có thể giám sát có hiệu quả tình hình tài sản của mình, từ đó có hướng đầu tư và phương pháp quản lý thích hợp để tạo nên sức mạnh nội lực. Việc hạch toán và quản lý TSCĐ hiện nay tại công ty cần được hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu trên.

3.2.1.2. Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ.

- Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài chính kế toán về sử dụng TSCĐ.
- Công tác lập kế hoạch khấu hao cần phải được tính toán chính xác và chặt chẽ hơn, tránh việc thu hồi không đủ vốn đầu tư ban đầu.
- Công ty cần tiến hành đánh giá lại TSCĐ một cách thường xuyên và chính xác. Hiện nay, do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho các TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời, với một cơ chế kinh tế thị trường như hiện nay, giá cả thường xuyên biến động, làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với giá trị thực tế (nhất là hiện nay công ty vẫn còn một số máy móc thiết bị đã được đầu tư từ lâu). Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và bảo toàn vốn cố định, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có những biện pháp xử lý những TSCĐ đã bị mất giá nghiêm trọng, chống thất thoát vốn.
- Hiện nay, công tác kế toán của công ty đã được vi tính hóa, giảm thiểu khối lượng công việc phải thực hiện bằng tay, song đối với một công ty lớn như Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc thì công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để công việc hạch toán được dễ dàng, thuận tiện hơn.

Những giải pháp này giúp cho công ty:

- Phản ánh chính xác tình hình TSCĐ, tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của các TSCĐ hiện có, từ đó có những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- Từ những số liệu chính xác trong sổ sách kế toán, công ty có thể tính toán các chỉ tiêu, đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty, từ đó đưa ra những giải pháp tốt nhất.

3.2.2. Tăng cường quản lý có hiệu quả TSCĐ.

3.2.2.1. Đầu tư mới tài sản cố định.

Những thách thức của thị trường đòi hỏi công ty phải luôn đầu tư đổi mới trang thiết bị. Có như vậy, công ty mới có khả năng nâng cao được chất lượng sản phẩm, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, việc đầu tư TSCĐ là quá trình đầu tư dài hạn, không thể đem lại hiệu quả ngay tức thì, công ty phải căn cứ vào tình hình hiện tại, cũng như khả năng vốn để lựa chọn việc đầu tư TSCĐ cho thích hợp.

3.2.2.2. Tăng cường đổi mới công nghệ quản lý, đẩy mạnh việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng, bảo quản, đổi mới công nghệ TSCĐ là một yếu tố quan trọng giúp đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục, năng suất lao động sẽ được nâng cao kéo theo giá thành sản phẩm giảm và như vậy tạo lợi thế về chi phí cho sản phẩm của công ty có thể cạnh tranh trên thị trường.

Mặc dù máy móc thiết bị của công ty đã đổi mới rất nhiều nhưng cho đến nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn bộ công nghệ. Vì vậy, để máy móc thiết bị mới đầu tư mang lại hiệu quả thì công ty phải mua sắm đồng bộ, tức là đầu tư đổi mới cả dây chuyền sản xuất trong cùng thời gian.

Công ty cần phải không ngừng thực hiện việc chuyển giao công nghệ để cải tiến công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại của nước ngoài. Có như vậy, các TSCĐ mới phát huy tác dụng nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao.

Công ty nên có những cuộc hội thảo bàn về vấn đề sử dụng hiệu quả TSCĐ để có thể thu thập được những sáng kiến của cán bộ công nhân viên trong

và ngoài công ty, bởi họ mới chính là những người trực tiếp hàng ngày sử dụng TSCĐ. Đối với những cá nhân có sáng kiến thiết thực, công ty nên phổ biến cho các bộ phận, đồng thời thực hiện chế độ khen thưởng kịp thời.

Tránh việc mất mát, hư hỏng TSCĐ trước thời gian dự tính bằng việc phân cấp quản lý chặt chẽ đến từng phòng ban, xí nghiệp, phân xưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm vật chất trong quản lý chấp hành nội quy, trong đó quy chế sử dụng TSCĐ là nội dung quan trọng nhất. Công ty cần quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân trong bảo quản, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn cho TSCĐ để chúng luôn được duy trì hoạt động với công suất cao.

Ngoài ra, công ty nên áp dụng các quy chế thưởng phạt rõ ràng, nghiêm chỉnh, công ty cần nâng cao và khuyến khích ý thức, tinh thần trách nhiệm của công nhân viên trong việc giữ gìn TSCĐ.

Thực hiện giải pháp này sẽ giúp công ty:

- Nắm chắc tình trạng kỹ thuật và sức sản xuất của các TSCĐ hiện có. Từ đó có thể lên kế hoạch đầu tư, đổi mới TSCĐ cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất trong tương lai.

- Đảm bảo an toàn cho các TSCĐ trong công ty và giảm chi phí quản lý TSCĐ trong công ty.

- Công ty có thể bố trí dây chuyền công nghệ hợp lý trên diện tích hiện có.

- Giúp cho TSCĐ luôn duy trì hoạt động liên tục với công suất cao, tạo ra được những sản phẩm có chất lượng tốt và có tính cạnh tranh cao, không những ở thị trường trong nước mà còn cả thị trường nước ngoài.

3.2.2.3. Việc theo dõi hao mòn và phương pháp tính khấu hao.

Hiện nay, Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc đang áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Song việc áp dụng phương pháp khấu hao của công ty là chưa hợp lý. Để đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán, đó là: thu nhập phải phù hợp với chi phí đã bỏ ra trong kỳ kế toán, Công ty cổ phần công

ngành tàu thủy Tam Bạc nên thay đổi phương pháp khấu hao theo hướng như sau:

- Các thiết bị, dụng cụ quản lý thường chịu tác động nhiều của hao mòn vô hình nên áp dụng phương pháp khấu hao giảm dần.

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh, tính năng, công suất sử dụng bị giảm dần trong quá trình hoạt động, có thể áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng hoặc phương pháp khấu hao giảm dần.

- Nhà cửa, vật kiến trúc áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

3.2.2.4. Nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong công ty.

* Đối với cán bộ quản lý.

Đây là đội ngũ quan trọng, quyết định hướng đi cho công ty. Họ đứng ra quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo cho công ty có thể phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, cần:

- Không ngừng nâng cao trình độ quản lý nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, mặt khác tạo cơ hội cho họ tự phấn đấu vươn lên.

- Chăm lo công tác đào tạo về mọi mặt: đào tạo nâng cao, đào tạo lại, đào tạo bổ sung, đào tạo chuyên ngành cho cán bộ kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện máy móc trang thiết bị ngày càng tiên tiến và hiện đại. Cần đặt ra yêu cầu cho họ là phải thường xuyên cập nhật thông tin về các công nghệ mới, hiện đại mà công ty chưa có điều kiện đầu tư để có thể tham mưu cho ban lãnh đạo khi công ty tiến hành đổi mới TSCĐ.

* Đối với công nhân trực tiếp sản xuất.

Hiệu quả sử dụng TSCĐ phụ thuộc rất nhiều vào lực lượng lao động này, bởi họ là những người trực tiếp vận hành máy móc để tạo ra sản phẩm. Do máy móc thiết bị ngày càng hiện đại hóa nên trình độ của họ cũng phải thay đổi theo để phát huy tính năng của chúng.

- Công ty cần phải khuyến khích họ phát huy vai trò tự chủ, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm trong công việc thông qua việc sử dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng...

- Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân viên, giúp họ hoàn thiện kỹ năng sử dụng các máy móc thiết bị kỹ thuật mới, đảm bảo hiệu suất hoạt động ở mức tối đa.

- Tiến hành sắp xếp, bố trí công nhân có trình độ tay nghề khác nhau một cách khoa học, sao cho có thể đảm bảo được sự hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả của tất cả các dây chuyền sản xuất mà công ty hiện có.

Tác dụng của giải pháp này:

- Các TSCĐ trong công ty được giữ gìn, bảo quản tốt, ít khi bị hư hỏng và như vậy chi phí liên quan sẽ giảm đi nhiều.

- Các máy móc thiết bị sẽ hoạt động với hiệu suất cao nhất, đạt hiệu quả cao, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao.

3.2.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ.

- Hệ thống chứng từ kế toán phải được luân chuyển theo đúng thời gian. Phòng kế toán phải thường xuyên chỉ đạo việc đăng ký và chuyển chứng từ về phòng kế toán theo đúng trình tự và thời gian.

- Hệ thống sổ sách theo dõi TSCĐ ngoài các sổ sách theo hướng dẫn của Bộ tài chính, như: Sổ TSCĐ, Thẻ TSCĐ, Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng... công ty cần lập thêm một số loại sổ sách để quản lý, theo dõi biến động của TSCĐ được chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Đối với TSCĐ tăng trong năm, ngoài việc hạch toán theo dõi trên sổ sách theo quy định, hàng năm công ty nên có “Bảng tổng hợp báo cáo chi tiết TSCĐ tăng (giảm)” để báo cáo chi tiết mức tăng, giảm và tỷ trọng tăng, giảm của từng loại TSCĐ. Bảng này do kế toán TSCĐ lập.

BIỂU SỐ 3.1**BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO CHI TIẾT TSCĐ TĂNG.**

Năm:

STT	Ngày sử dụng	Số thẻ TSCĐ	Loại TSCĐ	Đơn vị sử dụng	Nguyên giá	Ghi chú
1	Quý 1 Cộng					
2	Quý 2 Cộng					
3	Quý 3 Cộng					
4	Quý 4 Cộng					
5	Tổng cộng					

Ngày.....tháng.....năm....

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

BIỂU SỐ 3.2.**BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO CHI TIẾT TSCĐ GIẢM.**

Năm:

STT	Ngày sử dụng	Số thẻ TSCĐ	Loại TSCĐ	Đơn vị sử dụng	Nguyên giá	Ghi chú
1	Quý 1 Cộng					
2	Quý 2 Cộng					
3	Quý 3 Cộng					
4	Quý 4 Cộng					
5	Tổng cộng					

Ngày.....tháng.....năm....

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc. Để những giải pháp đưa ra có thể thực hiện thành công thì riêng cá nhân Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc không thể làm tốt được mà cần phải có sự kết hợp của cả Nhà nước và công ty. Trong đó, công ty phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động trong việc tiến hành hoạt động kinh doanh, còn Nhà nước đóng vai trò là người giám sát và quản lý.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, việc chịu sức ép từ các đối thủ cạnh tranh nói riêng và chịu ảnh hưởng của ngành đóng tàu nói chung là điều không doanh nghiệp đóng tàu nào tránh khỏi. Hiện nay, Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc đang phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị cùng ngành cả trong và ngoài nước. Đây vừa là cơ hội mà cũng vừa là thách thức lớn cho công ty. Để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường thì không chỉ công ty mà tất cả các doanh nghiệp đều phải cố gắng nâng cao năng lực sản xuất, không ngừng đổi mới, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ cho TSCĐ song song với tiết kiệm chi phí kinh doanh.

Hiện nay công tác kế toán TSCĐ đóng vai trò quan trọng, góp phần trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Nên việc quản lý và sử dụng TSCĐ như thế nào để đạt hiệu quả cao là một nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Mặc dù những giải pháp của em được đưa ra dựa trên cơ sở nghiên cứu nghiêm túc về tình hình tài chính và hoạt động sử dụng TSCĐ của công ty trong thời gian qua, song do thời gian nghiên cứu có hạn, bản thân chưa tiếp xúc nhiều với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là do trình độ còn hạn chế nên những giải pháp em đưa ra còn nhiều điểm chưa phù hợp và cần được tiếp tục nghiên cứu, xem xét.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc, em đã có điều kiện tìm hiểu phần nào thực tế quá trình hạch toán kế toán TSCĐ để có thể so sánh với những kiến thức mà em đã được trang bị ở trường. Đồng thời, em cũng học được nhiều điều bổ ích từ việc vận dụng linh hoạt chế độ tài chính kế toán tại công ty. Với đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc”**. Mặc dù đã rất cố gắng trong suốt quá trình nhưng đề tài tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo để luận án tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn **Ths. Hoàng Thị Ngà** – người đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này, đồng thời em cũng xin cảm ơn các cô chú ở phòng kế toán tài chính tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập để em có thể hoàn thiện luận án tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !